

BAC A BANK 

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN	1
1.1. Thông tin chung về BAC A BANK.....	1
1.2. Quá trình hình thành - phát triển.....	2
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
1.4. Mô hình tổ chức quản lý.....	6
1.5. Định hướng phát triển.....	7
1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.....	8
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020	10
2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2020.....	10
2.2. Tổ chức và nhân sự.....	12
2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	17
2.4. Tình hình tài chính	19
2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu.....	19
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	20
3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	21
3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh.....	21
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật	24
3.3. Kế hoạch phát triển.....	26
4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK.....	27
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	29
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	29
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	31

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**
- Tên tiếng Anh: **BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- Tên viết tắt: **BAC A BANK**
- Mã cổ phiếu: **BAB**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: **2900325526 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp**
- Vốn điều lệ: **7.085.000.000.000 VND**
(Bảy nghìn không trăm tám mươi lăm tỷ đồng)
- Giấy phép thành lập: **004924 GP/TLDN-03**
- Địa chỉ: **Số 117 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An**
- Số điện thoại: **(84-238) 3844277**
- Số fax: **(84-238) 3841757**
- Website: **<http://www.baca-bank.vn>**

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn**

Ngân hàng Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một Ngân hàng giữ tâm sáng như sao, tạo ra một thể hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục..... Với tư duy vượt trội, tinh tiên phong, chuyên nghiệp, cải tiến không ngừng, vì hạnh phúc đích thực của mỗi con người quyết tâm làm giàu chính đáng mang lại giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ảm no hạnh phúc cho cộng đồng.

Trong giai đoạn tới đây, BAC A BANK sẽ là một ngân hàng đa năng, bên cạnh nghiệp vụ tư vấn đầu tư mang lại những thành công nổi bật - làm nên một con đường khác biệt hướng tới sự phát triển bền vững. BAC A BANK cũng sẽ tập trung nguồn lực phát triển các dịch vụ tài chính - ngân hàng, xây dựng danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt và hấp dẫn. Điều này xuất phát từ triết lý kinh doanh: "Đặt lợi ích riêng của mình nằm trong lợi ích chung của quốc gia, không tìm mọi cách tối đa hoá lợi nhuận, mà luôn tìm cách hài hoà giữa các lợi ích để tất cả đều có một tương lai bền vững và cuộc sống hạnh phúc hơn".

- **Sứ mệnh**

Ngân hàng Bắc Á tư vấn và phục vụ cho một thể hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cộng đồng và thân thiện với môi trường.

- **Giá trị cốt lõi**

- Tiên phong
- Chuyên nghiệp
- Đáng tin cậy
- Cải tiến không ngừng
- Vì hạnh phúc đích thực

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

Ngân hàng TMCP Bắc Á được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với số vốn ban đầu chỉ có 20 tỷ đồng với 1 điểm giao dịch duy nhất đồng thời là trụ sở chính và 8 thành viên đầu tiên; trải qua hơn 25 năm Ngân hàng đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành tựu và những dấu son đáng nhớ.

Năm 1995 đánh dấu mốc khởi đầu cho sự mở rộng về mạng lưới hoạt động của BAC A BANK với chi nhánh đầu tiên được khai trương: Chi nhánh Hà Nội.

Năm 2004, BAC A BANK chính thức có mặt tại khu vực kinh tế trọng điểm miền Nam, đánh dấu bởi lễ khai trương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi mô hình từ phi tập trung, phân tán sang mô hình tập trung; đồng thời phân tách công việc, nhiệm vụ theo từng Khối/Ban/Phòng chức năng chuyên trách nhằm chuyên môn hóa nghiệp vụ để hướng tới mô hình tổ chức của một ngân hàng hiện đại.

Năm 2009 - 2010, Ngân hàng trang bị hệ thống giải pháp ngân hàng lõi (Core Banking), thiết lập nền tảng công nghệ mạnh mẽ để BAC A BANK tạo ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ trong nước.

Năm 2011, BAC A BANK ghi dấu ấn quan trọng khi chính thức công bố sự kiện ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới vào ngày 21/12/2011: Biểu trưng mang hình ảnh hoa sen cách điệu, tượng trưng cho tâm sáng, cho trí tuệ, cho triết lý nhân sinh, sự tận tụy, khát khao vươn lên và lạc quan về tương lai tươi sáng.

Năm 2012, Dự án sữa TH true MILK do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã thành công khi chính thức ra mắt thị trường và đặt nền móng cho ngành công nghiệp sữa tươi sạch Việt Nam.

Năm 2014, nhân lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, BAC A BANK vinh dự được nhận cờ thi đua của Chính phủ trao tặng, cá nhân bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Năm 2015, BAC A BANK cơ bản hoàn thành kế hoạch hoạt động 5 năm (2011 - 2015) và đạt nhiều kết quả tích cực. BAC A BANK đã vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu trong phát triển bền vững vì cộng đồng năm 2015" vì những hoạt động xuất sắc và nỗ lực không ngừng trong hoạt động tư vấn đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, mang lại giá trị cốt lõi cho toàn xã hội, vì sức khỏe cộng đồng, giải thưởng do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG trao tặng, dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.

Năm 2016, BAC A BANK chính thức hoàn thành việc tăng Vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới với 97 điểm giao dịch trên 18 tỉnh thành phố khắp cả nước. Cũng trong năm 2016, BAC A BANK lần thứ 2 nhận giải thưởng "Ngân hàng Vì Cộng Đồng" và giải thưởng "Sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu 2016" do Tổ chức dữ liệu quốc tế IDG trao tặng; giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu Trách nhiệm xã hội Việt Nam 2016" do Tạp chí International Finance Magazine (IFM) trao tặng. Tổng Giám đốc - Bà Thái Hương lần thứ 2 được vinh danh trong Top 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất châu Á do Tạp chí Forbes bình chọn.

Năm 2017, cổ phiếu của BAC A BANK với mã BAB chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom vào ngày 28/12/2017. Trong năm, BAC A BANK vinh dự được nhận giải "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam" do Hiệp hội Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tổ chức và 02 giải thưởng "Vì Cộng đồng", "Ngân hàng tiêu biểu tư vấn đầu tư nông nghiệp công nghệ cao 2017" do Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng. Cũng trong năm 2017, Bà Tổng Giám đốc Thái Hương được tạp chí IFM trao tặng giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm".

Năm 2018, BAC A BANK vinh dự đạt 2 giải thưởng "Ngân hàng hỗ trợ tư vấn đầu tư công nghệ cao cho nông nghiệp sạch 2018" và "Ngân hàng có sản phẩm, dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm 2018" thuộc hệ thống Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2018 do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG trao tặng. Tại Lễ trao giải Ngân hàng tiêu biểu khu vực châu Á – Thái Bình Dương năm 2018 của Tạp chí IFM, BAC A BANK được vinh danh với hai giải thưởng "Ngân hàng Việt Nam tiên phong tư vấn đầu tư các dự án nông nghiệp sạch ở nước ngoài" và Tổng Giám đốc BAC A BANK – Bà Thái Hương năm thứ hai liên tiếp nhận giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm". Cũng trong năm 2018, Bà Thái Hương đã đoạt giải Vàng hạng mục Doanh nhân xuất sắc của năm với Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế 2018 (International Business Awards - IBA Stevie Awards).

Năm 2019, nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập, BAC A BANK đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, cờ Thi đua xuất sắc và bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An và bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, trong năm 2019, BAC A BANK cũng đã giành giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh" trong khuôn khổ "Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2019 - Vietnam Outstanding Banking Awards 2019" (VOBA) do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp tổ chức. Trong năm, lãnh đạo BAC A BANK tiếp tục được vinh danh và trao tặng các giải thưởng uy tín. Tại Diễn đàn Tri thức Thế giới - World Knowledge Forum 2019 diễn ra ở Seoul (Hàn Quốc), bà Thái Hương - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được tôn vinh với Giải thưởng Nữ doanh nhân Quyền lực, trao tặng riêng cho doanh nhân đạt nhiều thành tích trong kinh doanh và là hình mẫu để truyền cảm hứng và động lực tới thế hệ phụ nữ trẻ trong cộng đồng ASEAN.

Năm 2020, BAC A BANK hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 7.085 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động đạt 145 điểm giao dịch trên cả nước. Đây là sự đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của BAC A BANK thể hiện quyết tâm đưa Ngân hàng trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu với định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững. Ngày 29/12/2020, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 03/03/2021, cổ phiếu mã BAB của Ngân hàng TMCP Bắc Á đã chính thức

được niêm yết trên sàn HNX. Trong năm 2020, Tổng giám đốc Thái Hương vinh dự được đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới - danh hiệu cao quý nhất mà Đảng và Nhà nước trao tặng. Bên cạnh đó, nhờ những đóng góp tích cực trong nhiều hoạt động an sinh xã hội ý nghĩa những năm vừa qua, BAC A BANK lần thứ 6 liên tiếp được nhận giải thưởng “Ngân hàng tiêu biểu Vì cộng đồng”.

Với những đóng góp nổi bật cho kinh tế - xã hội đất nước trong suốt quá trình hoạt động, BAC A BANK đã nhiều lần vinh dự được nhận Bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An và các đoàn thể khác trao tặng, các giải thưởng uy tín khác như giải thưởng “Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ xuất sắc” do Bộ công thương trao tặng, “Top 100 sản phẩm tin và dùng”, “Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam”, “Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam”, “Top 200 Sao vàng Đất Việt”, “Top 10 Doanh nghiệp vì người lao động”.

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

- **Tài chính - Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Bắc Á cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

- **Tư vấn đầu tư**

Kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính – ngân hàng đa dạng, BAC A BANK đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư với các dự án mang tính an sinh xã hội cao.

Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống như chế biến thực phẩm sạch hay các bệnh viện và trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam, đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp Ngân hàng gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK tại ngày 31/12/2020 có 145 điểm giao dịch đang hoạt động phân bố tại 32 tỉnh thành trên cả nước trải dài từ Bắc đến Nam.

<u>Nghệ An</u>	01 CHI NHÁNH	<u>TP Hà Nội</u>	11 CHI NHÁNH
01 TRỤ SỞ CHÍNH	11 Phòng giao dịch		36 Phòng giao dịch
<u>Hải Phòng</u>	01 CHI NHÁNH	<u>Hưng Yên</u>	01 CHI NHÁNH
	03 Phòng giao dịch		03 Phòng giao dịch
<u>Quảng Ninh</u>	01 CHI NHÁNH	<u>Hà Giang</u>	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		
<u>Vĩnh Phúc</u>	01 CHI NHÁNH	<u>Lào Cai</u>	01 CHI NHÁNH
	03 Phòng giao dịch		
<u>Thái Nguyên</u>	01 CHI NHÁNH	<u>Lạng sơn</u>	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		
<u>Bắc Giang</u>	01 CHI NHÁNH	<u>Thái Bình</u>	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		

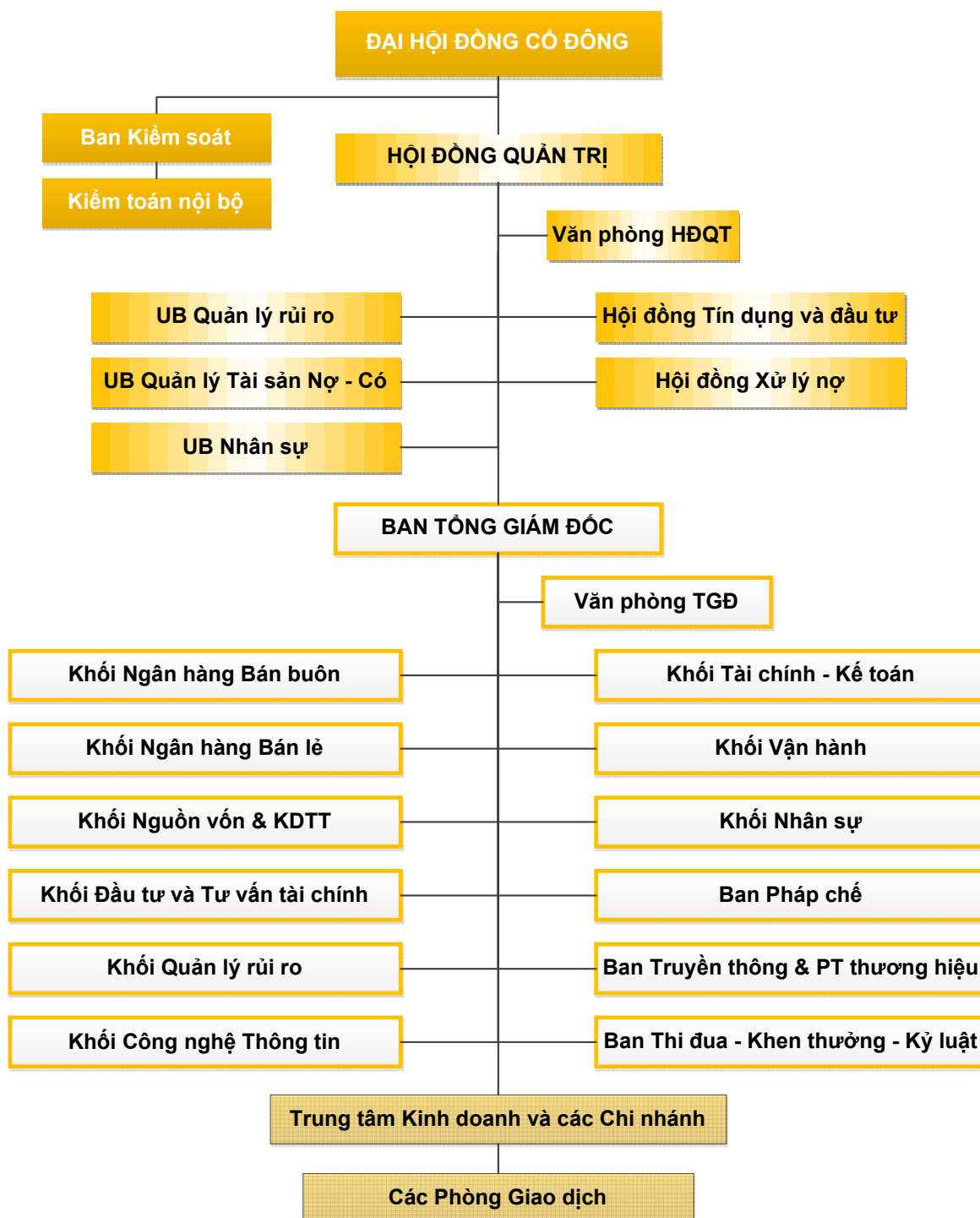
Hà Nam	01 CHI NHÁNH 01 Phòng giao dịch	Nam Định	01 CHI NHÁNH
Ninh Bình	01 CHI NHÁNH 01 Phòng giao dịch	Thanh Hóa	01 CHI NHÁNH 04 Phòng giao dịch
Hà Tĩnh	01 CHI NHÁNH 03 Phòng giao dịch	Bình Định	01 CHI NHÁNH
Quảng Bình	01 CHI NHÁNH 02 Phòng giao dịch	Phú Yên	01 CHI NHÁNH
Huế	01 CHI NHÁNH 01 Phòng giao dịch	Đắk Lắk	01 CHI NHÁNH
Đà Nẵng	01 CHI NHÁNH 03 Phòng giao dịch	Lâm Đồng	01 CHI NHÁNH 01 Phòng giao dịch
TP Hồ Chí Minh	03 CHI NHÁNH 15 Phòng giao dịch	Khánh Hòa	01 CHI NHÁNH 01 Phòng giao dịch
Cần Thơ	01 CHI NHÁNH 02 Phòng giao dịch	Vũng Tàu	01 CHI NHÁNH 01 Phòng giao dịch
Kiên Giang	01 CHI NHÁNH 02 Phòng giao dịch	Đồng Nai	01 CHI NHÁNH
Bình Dương	01 CHI NHÁNH 01 Phòng giao dịch	Long An	01 CHI NHÁNH

Trong năm 2020, BAC A BANK mở thêm 04 Chi nhánh mới tại địa bàn TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và tỉnh Nam Định. Đồng thời, Ngân hàng cũng thực hiện khai trương thêm 05 Phòng giao dịch tại địa bàn các tỉnh Bắc Giang, Ninh Bình, Bình Dương, Vũng Tàu và Khánh Hòa.

Tại thời điểm 31/12/2020, BAC A BANK còn 01 Chi nhánh đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép nhưng chưa đi vào hoạt động là Chi nhánh Bắc Ninh. Ngày 28/01/2021, Chi nhánh Bắc Ninh đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 146 điểm.

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý



Cơ cấu bộ máy quản lý của BAC A BANK bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại Hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của BAC A BANK, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ BAC A BANK quy định. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị với chức năng là cơ quan quản trị giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông của BAC A BANK có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của BAC A BANK trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Tổng Giám đốc với chức năng là cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai chiến lược hoạt động của Ngân hàng.

Các hội đồng, ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có: Ủy ban nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban ALCO, Hội đồng Xử lý nợ, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư. Bộ máy điều hành của BAC A BANK bao gồm các Đơn vị tại Hội sở, các Chi nhánh và Phòng giao dịch. Các đơn vị Hội sở gồm 12 Khối/Ban, 01 Trung tâm kinh doanh và 01 Văn phòng trực thuộc Tổng Giám đốc.

1.4.2. Công ty con

Tính đến hết năm 2020, Ngân hàng có hai (02) công ty con do BAC A BANK sở hữu 100% vốn là:

- **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 67 phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104507588 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/03/2010.
 - Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.
- **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 9 phố Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107983828 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2017.
 - Vốn điều lệ: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả; phấn đấu trở thành ngân hàng đa năng, theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và cho vay các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền

tăng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phấn đấu. Xây dựng đề án phát triển và tầm nhìn trung - dài hạn; trong đó yêu cầu có những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á ưu tiên nguồn vốn cho vay và tư vấn đầu tư vào các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục, và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã hội... Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, thông qua việc đồng hành cùng Quỹ Vì Tầm vóc Việt, các hoạt động từ thiện xã hội cũng được quan tâm và triển khai thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của BAC A BANK nhằm chung tay sẻ chia với cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội và theo đuổi mục tiêu nâng cao trí lực Việt Nam.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

BAC A BANK đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trước hết là xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng, tiếp theo là chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ. Ngân hàng luôn đề cao việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đã tính toán và trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định hiện hành.

Ngân hàng đa dạng hóa chế độ cho vay theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro và nhất quán thực hiện tăng trưởng tín dụng theo định hướng đã đề ra là ưu tiên nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

1.6.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, điều

BAC A BANK đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất để định kỳ lập các báo cáo về thị trường, đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường. Theo đó, Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay, chủ động áp dụng

này dẫn đến khả năng giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính.

chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ.

Ngân hàng tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động.

Một chiến lược khác của Ngân hàng là phát triển các dịch vụ tiện ích để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.6.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục Tài sản Nợ và Tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng.

BAC A BANK được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ.

Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống về Hội sở chính. Các Chi nhánh đều được đặt hạn mức giao dịch trong ngày và không có trạng thái ngoại hối vào cuối ngày. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống đều được cân bằng kịp thời.

1.6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nguồn vốn tập trung tại Hội sở chính nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Ngân hàng dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ cũng được Ngân hàng đặc biệt coi trọng nhằm có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2020

2.1.1 Môi trường kinh doanh

- **Tình hình kinh tế thế giới:**

Đầu năm 2020, giới chuyên gia từng lạc quan đưa ra dự báo về những gam màu sáng trong bức tranh triển vọng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, tất cả đã thay đổi khi đại dịch Covid -19 xuất hiện. Sức tàn phá ghê gớm của dịch Covid -19 đã đẩy nền kinh tế toàn cầu vốn đang trong giai đoạn phục hồi mong manh sa lầy vào đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Mọi hoạt động kinh tế - xã hội từ công nghiệp, giao thông vận tải đến các lĩnh vực dịch vụ, vui chơi giải trí đều bị ảnh hưởng nặng nề.

Mặc dù những tháng cuối năm, phần lớn các nền kinh tế đã tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, thương mại toàn cầu, giá cả hàng hóa đang dần được phục hồi, thị trường chứng khoán toàn cầu tăng mạnh trong tháng 11 và tháng 12 nhờ tín hiệu tích cực từ sản xuất và hiệu quả của vắc-xin phòng Covid-19. Một số nền kinh tế đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong quý III và quý IV/2020, tuy nhiên quá trình phục hồi của kinh tế thế giới nói chung vẫn còn khá mong manh khi mà số ca mắc mới vẫn gia tăng vào dịp cuối năm mặc dù vắc-xin ngừa Covid-19 đã được phân phối tại nhiều quốc gia, đặc biệt khi xuất hiện biến thể của Covid-19. Hầu hết các tổ chức quốc tế đều có chung nhận định, kinh tế toàn cầu khó có thể phục hồi trong ngắn hạn mà sẽ phải mất nhiều năm.

Đánh giá về tăng trưởng toàn cầu năm 2020, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định tăng trưởng toàn cầu suy giảm 4,2% trong năm 2020. Tương tự, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng nhận định tăng trưởng toàn cầu 2020 đã suy giảm 4,4%.

- **Tình hình kinh tế Việt Nam:**

So với những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2019, kinh tế Việt Nam năm 2020 phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân.

GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%). Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ vừa qua, tuy nhiên, trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì mức tăng trưởng này là một thành công lớn của Việt Nam. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019. CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu như: giá các mặt hàng lương thực thực phẩm, thuốc và vật tư y tế tăng do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá dịch vụ giáo dục cũng tăng theo lộ trình của chính phủ.

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%.

Về thị trường tài chính tiền tệ, tính đến cuối năm 2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm 2019; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tăng 10,14%. Trong năm 2020, để giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện phục hồi nhanh nền kinh tế do tác động của dịch Covid-19, tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng đối với nền kinh tế, trên cơ sở diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, Ngân hàng Nhà nước đã liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi

suất, tổng mức giảm 1,5 - 2,0%/năm đối với lãi suất điều hành. Tại thời điểm cuối năm 2020, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 3,3 - 3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một tháng đến dưới sáu tháng; 4,2 - 6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ sáu tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,8 - 6,9%/năm.

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của BAC A BANK

Năm 2020 là một năm nền kinh tế có nhiều bất ổn do sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trên toàn thế giới, Việt Nam là một trong số ít các nước giữ được mức tăng trưởng kinh tế dương (trên 2%) trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm và khủng hoảng. Trong hoàn cảnh đó, BAC A BANK vẫn đạt nhiều kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh. Căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ngân hàng đã hoàn thành kế hoạch đối với tất cả các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2020. Cụ thể như sau:

Tổng tài sản

117.189 tỷ đồng

Tăng 8,62% so với năm 2019

Tổng tài sản của BAC A BANK tăng trưởng liên tục trong các năm gần đây. Tổng tài sản của Ngân hàng từ năm 2016 đến 2020 đạt mức tăng trưởng bình quân là 13,21%/năm. Năm 2020, Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 117.189 tỷ đồng, tăng 8,62% so với năm 2019, hoàn thành 101,44% kế hoạch đề ra.

Tổng dư nợ cho vay khách hàng

79.440 tỷ đồng

Tăng 8,92% so với năm 2019

Ngân hàng luôn nhất quán với định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các ngành và lĩnh vực thuộc 3 khâu đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020, đó là nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Từ năm 2016 đến nay, mức tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng đạt mức bình quân là 13,76%/năm. Tổng dư nợ cho vay khách hàng năm 2020 đạt 79.440 tỷ đồng, tăng 8,92% so với năm 2019 và hoàn thành 99,03% kế hoạch đề ra.

Tổng huy động vốn

105.715 tỷ đồng

Tăng 8,81% so với năm 2019

- Huy động vốn TT1 là 92.332 tỷ đồng

- Huy động vốn TT2 là 13.383 tỷ đồng

Tổng huy động vốn tăng trưởng liên tục trong suốt những năm gần đây với mức tăng trưởng bền vững, trung bình tăng 13,39%/năm từ năm 2016 đến nay. Để đạt được kết quả đó, công tác thương hiệu đóng vai trò quan trọng, hệ thống nhận diện thương hiệu mang tính chuyên nghiệp cùng với công tác chăm sóc khách hàng được nâng cao, dịch vụ tiện ích mới ngày càng phát triển đã tác động không nhỏ đến công tác huy động vốn của Ngân hàng.

Năm 2020, huy động vốn thị trường 1 tăng 10.034 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 12,19% so với năm 2019, đạt 92.332 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 87,34% tổng huy động vốn. Huy động vốn thị trường 2 của Ngân hàng đến cuối năm 2020 là 13.383 tỷ đồng, chỉ chiếm 12,66% tổng huy động vốn.

Lợi nhuận sau thuế

588 tỷ đồng

Giảm 21,50% so với năm 2019

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng liên tục từ năm 2012 đến 2019. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, lợi nhuận sau thuế của BAC A BANK đạt 588 tỷ đồng, giảm 21,50% so với năm 2019. Tuy nhiên, BAC A BANK vẫn hoàn thành kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2020.

Mạng lưới

145 điểm giao dịch đang hoạt động

Mạng lưới giao dịch tiếp tục được mở rộng trên phạm vi cả nước. Trong năm 2020, Ngân hàng đã khai trương chi nhánh mới tại các địa bàn TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và tỉnh Nam Định và mở thêm các PGD tại các tỉnh Bắc Giang, Ninh Bình, Bình Dương, Vũng Tàu và Khánh Hòa. Ngày 28/01/2021, Chi nhánh Bắc Ninh đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 146 điểm.

Dự kiến trong năm 2021, BAC A BANK sẽ tiếp tục mở rộng thêm mạng lưới hoạt động tại các tỉnh Hoà Bình, Hải Dương, An Giang, Đồng Tháp, Bình Thuận.

Nhân sự: **2.512** người

Số lượng nhân viên tại thời điểm 31/12/2020 là 2.512 người, tăng 14,44% so với cuối năm 2019.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng tại ngày 31/12/2020

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (31/12/2020)
I. Thành viên Hội đồng Quản trị			
1	Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch HĐQT	3,18%
2	Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4,30%
3	Ông Võ Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,07%
4	Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên HĐQT	0,28%
5	Ông Nguyễn Hữu Phàng	Thành viên HĐQT độc lập	-
II. Ban Điều hành			
1	Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	4,30%
2	Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-
3	Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	3,79%
4	Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	0,18%
5	Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	-
6	Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	0,07%
7	Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	-
8	Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	-
9	Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	0,16%
10	Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc	-
III. Thành viên Ban Kiểm soát			
1	Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát	0,19%
2	Ông Thái Đình Long	Thành viên Ban Kiểm soát	-
3	Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên Ban Kiểm soát	0,32%
IV. Kế toán trưởng			
1	Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	-

❖ **Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Thoảng

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1990
- ✓ Từ năm 2000 đến nay

Cán bộ Ban tài chính vật giá thị xã Cẩm Phả
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Thái Hương

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1982 đến 1985
- ✓ Từ năm 1985 đến 1989
- ✓ Từ năm 1989 đến 1994
- ✓ Từ năm 1994 đến nay

Cán bộ Ban vật giá tài chính Hải Phòng
Cán bộ kế toán Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ An
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hương Hà
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Quang

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1986
- ✓ Từ năm 1986 đến 1992
- ✓ Từ năm 1993 đến 1997
- ✓ Từ năm 1997 đến 2009
- ✓ Từ năm 2009 đến nay

Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 02 – Sở Xây Dựng Nghệ An
Cán bộ/Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Nghệ An
Cán bộ/Phó Phòng thanh tra các Ngân hàng TMCP Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chánh văn phòng Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGĐ Ngân hàng TMCP Bắc Á

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1997 đến 2003
- ✓ Từ năm 2003 đến 2006
- ✓ Từ năm 2006 đến nay

Trưởng Phòng Tín dụng – Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á
Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa – Ngân hàng TMCP Bắc Á

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hữu Phàng

Trình độ chuyên môn

Cử nhân / Cao cấp lý luận Chính trị

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1980 đến 1986
- ✓ Từ năm 1986 đến 1989
- ✓ Từ năm 1989 đến 1998

Giảng viên Học viện Ngân hàng phân viện Phú Yên
Giảng viên Trường nghiệp vụ ngân hàng tỉnh Nghệ An
Phòng Tiền tệ, kho quỹ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Nghệ An (qua các vị trí Cán bộ, Phó, Trưởng phòng)

✓ Từ năm 1998 đến 2001	Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Nghệ An
✓ Từ năm 2001 đến 2012	Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Nghệ An
✓ Từ năm 2012 đến 2019	Nghỉ hưu
✓ Từ năm 2019 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên HĐQT độc lập

❖ Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hồng Công

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1984 đến 1991	Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Vật liệu xây dựng Vinh
✓ Từ năm 1992 đến 1994	Kế toán trưởng Tổng đội Thanh niên xây dựng kinh tế Vinh
✓ Từ năm 1994 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Kim Thư

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1994 đến 1998	Kế toán tổng hợp Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 1999 đến 2010	Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2011 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Thái Đình Long

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2002 đến 2008	Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên
✓ Từ năm 2008 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Ban Điều hành

Bà Thái Hương – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Ông Đặng Trung Dũng

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1995 đến năm 1996	Kế toán tổng hợp, Phó Giám đốc Tài chính Công ty VIFOCO tại Hà Nội
✓ Từ năm 1996 đến năm 2000	Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng VIB
✓ Từ năm 2001 đến năm 2004	Trưởng Phòng Tín dụng, BAC A BANK
✓ Từ năm 2004 đến năm 2006	Phó Giám đốc phụ trách BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2006 đến năm 2016	Phó Tổng Giám đốc thường trực, SHB Bank
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Chu Nguyên Bình

Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2001 đến năm 2002	Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán KPMG
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Trưởng phòng Kiểm toán và tư vấn, Công ty Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn Việt Nam (AACC)
✓ Từ năm 2003 đến năm 2006	Chuyên viên Kinh doanh Vốn và Ngoại tệ, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2006 đến năm 2008	Giám đốc Nguồn vốn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2008 đến năm 2015	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Ngoại tệ, BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Ông Nguyễn Trọng Trung

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1986 đến năm 1989	Kế toán – Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh – Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1989 đến năm 1994	Kế toán Tổng hợp – Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh – Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1994 đến năm 2003	Kế toán Tổng hợp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2003 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, BAC A BANK.
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Lợi

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1994 đến năm 1997	Nhân viên Ngân hàng Công thương
✓ Từ năm 1997 đến năm 2008	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Trung ương (qua các vị trí nhân viên, phó phòng, trưởng phòng)
✓ Từ năm 2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

Ông Nguyễn Việt Hạnh

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Chuyên viên nguồn vốn, Vietcombank Hội sở chính
✓ Từ năm 2005 đến năm 2006	Phó phòng Nguồn vốn, BAC A BANK, Hội sở chính
✓ Từ năm 2006 đến năm 2014	Giám đốc BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2014 đến năm 2017	Phó TGD phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ và Khối Hỗ trợ Tác nghiệp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2017 đến nay	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành

Ông Nguyễn Ái Dân

Trình độ chuyên môn

Cử nhân

Quá trình công tác

- ✓ Trước 01/08/2005
- ✓ Từ năm 2005 đến năm 2016
- ✓ Từ năm 2016 đến nay

Giám đốc IT VIB BANK
Trưởng ban CNTT, BAC A BANK
Phó TGD kiêm Giám đốc Khối CNTT, BAC A BANK
Phó TGD kiêm Giám đốc Khối CNTT

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Lê Ngọc Hồng Nhật

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1998 đến năm 2002
- ✓ Từ năm 2002 đến năm 2003
- ✓ Từ năm 2003 đến năm 2005
- ✓ Từ năm 2005 đến năm 2008
- ✓ Từ năm 2008 đến năm 2009
- ✓ Từ năm 2009 đến năm 2015
- ✓ Từ năm 2015 đến nay

Chuyên viên Tín dụng, Thẩm định, Nguồn vốn BIDV CN Hà Tĩnh.
Phó phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
Trưởng phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
Trưởng phòng Tài chính BIDV Hà Tĩnh
PGĐ Sở giao dịch BAC A BANK
Giám đốc Khối Tài chính BAC A BANK
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính – kế toán, BAC A BANK
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính – kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Nguyễn Quốc Đạt

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1999 đến năm 2005
- ✓ Từ năm 2005 đến năm 2008
- ✓ Từ năm 2008 đến năm 2015
- ✓ Từ năm 2015 đến năm 2015
- ✓ Từ năm 2015 đến tháng 5/2020
- ✓ Từ tháng 5/2020 đến nay

Ngân hàng Công thương Việt Nam
Ngân hàng Mizuho Corporate - Chi nhánh Hà Nội
Giám đốc BAC A BANK CN Kim Liên
Phó TGD Phụ trách miền Nam, BAC A BANK
Phó TGD kiêm GĐ CN Hồ Chí Minh, BAC A BANK
Phó TGD kiêm GĐ CN Hà Thành, BAC A BANK
Phó TGD kiêm GĐ CN Hà Thành

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Võ Văn Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Bà Nguyễn Hồng Yến

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 2003 đến 2007
- ✓ Từ năm 2007 đến 2010
- ✓ Từ năm 2010 đến nay

Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á – Hội sở Vinh
Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Bắc Á – Hội sở Vinh
Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bắc Á
Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

2.2.2. Thay đổi Ban Điều hành trong năm

Trong năm 2020, Ngân hàng không có thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành.

2.2.3. Cán bộ, nhân viên**• Số lượng lao động**

Tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống (bao gồm cả công ty con) đến 31/12/2020 là 2.512 người, tăng 317 người so với cuối năm 2019.

Trong năm 2020, công tác tuyển dụng tập trung vào tuyển nhân sự mới cho các Phòng giao dịch và Chi nhánh mở mới và tuyển bổ sung, thay thế các trường hợp nghỉ việc, bổ nhiệm/điều chuyển. Công tác tuyển dụng luôn đảm bảo tính minh bạch, công khai, tuân thủ quy trình.

• Đào tạo lao động

Ngân hàng luôn chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc cũng như để bắt kịp với sự phát triển của các công nghệ và ứng dụng mới trong hoạt động Ngân hàng. Tiếp bước thành công trong năm 2019, hoạt động đào tạo năm 2020 đi vào chiều sâu, quan tâm tới nhu cầu từng đối tượng học viên. Trong năm 2020, Ngân hàng đã thực hiện 11 khóa đào tạo với 42 lớp cho 5.682 lượt học viên tham dự trong 1.103 giờ đào tạo. Các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên môn được tập trung vào những kỹ năng, nghiệp vụ cụ thể với từng đối tượng, nhằm thay đổi diện mạo, chất lượng công việc như:

- Cập nhật các kiến thức liên quan đến thay đổi sản phẩm, quy định, quy trình mới.
- Bổ sung và hoàn thiện nội dung liên quan đến nghiệp vụ ngân quỹ tại các đơn vị mới
- Phân biệt chữ ký, hình dấu, tài liệu giả mạo trong hoạt động ngân hàng
- Cập nhật nội dung liên quan đến Phòng - Chống rửa tiền năm 2020. 100% cán bộ, nhân viên BAC A BANK cam kết và tham gia chương trình đào tạo phòng chống rửa tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Khóa đào tạo Kỹ năng bán hàng căn bản
- Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng nội bộ hiện tại.
- Đào tạo phát triển kỹ năng giảng dạy cho đội ngũ giảng viên nội bộ mới

Bên cạnh đó, trong năm 2020, Ngân hàng cũng đã tổ chức thành công dự án “Kiểm tra kiến thức 2020” dành cho 21 vị trí chức danh thuộc các Đơn vị kinh doanh. Dự án đã tạo hiệu ứng tích cực đến văn hóa học tập nâng cao kiến thức không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên BAC A BANK. Kết quả thu được từ dự án “Kiểm tra kiến thức 2020” đã giúp cho Ngân hàng nhận diện được mức độ kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của từng cán bộ nhân viên để kịp thời đưa ra các chương trình đào tạo phù hợp.

Định hướng năm 2021, Ngân hàng sẽ tập trung xây dựng hệ thống chương trình đào tạo theo chức danh, từng bước chuẩn hóa nội dung cho từng vị trí, tăng cường hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng sau đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo đồng đều, hiệu quả trong từng công việc, từng vị trí. Đồng thời, từng bước xây dựng hệ thống đào tạo E-Learning và số hóa một số nội dung đào tạo định hướng và chuyên môn, nghiệp vụ, điều chỉnh quy trình đào tạo hiện tại nhằm tăng tính tự học của học viên, tăng cường sự hỗ trợ và đồng hành của đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn – kỹ năng cao tại đơn vị kinh doanh, nâng cao năng lực, chuyên môn của đội ngũ giảng viên nội bộ và cán bộ nhân viên của Trung tâm Đào tạo.

2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án**2.3.1. Tổng quan về tình hình đầu tư**

Các khoản đầu tư tài chính của BAC A BANK bao gồm đầu tư cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong đó, Ngân hàng chú trọng đầu tư danh mục trái phiếu Chính phủ với độ an toàn, thanh khoản cao, hạn chế đầu tư cổ phiếu nhằm hạn chế rủi ro. Tình hình đầu tư tài chính của Ngân hàng trong năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	2019	2020	% tăng giảm
1	Cổ phiếu	137	137	0,00%
2	Tín phiếu/chứng chỉ tiền gửi	3.000	7.700	156,67%
3	Trái phiếu	15.109	13.232	-12,42%
	<i>Trong đó: Trái phiếu CP</i>	8.266	8.254	-0,15%
	<i>Trái phiếu TCTD</i>	6.370	4.978	-21,85%
	<i>Trái phiếu TCKT</i>	473	-	-100,00%
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn	271	196	-27,68%
	Tổng đầu tư	18.517	21.265	14,84%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2020)

Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng các khoản mục đầu tư tài chính của Ngân hàng là 21.265 tỷ đồng, tăng 14,84% so với năm 2019, chiếm tỷ trọng 18,15% trên tổng tài sản. Trong đó, đầu tư trái phiếu chiếm 62,22% tổng danh mục đầu tư, tín phiếu/chứng chỉ tiền gửi chiếm 36,21%, còn lại là cổ phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn chỉ chiếm lần lượt 0,64% và 0,92% tổng danh mục đầu tư.

Ngân hàng chú trọng đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD (chiếm tỷ trọng 62,22% trên tổng danh mục đầu tư) với độ an toàn cao. Đây là tài sản dự trữ thanh khoản quan trọng của Ngân hàng với mức độ sinh lời hợp lý.

Tổng các khoản góp vốn dài hạn năm 2020 là 196 tỷ đồng, chiếm 0,92% tổng khoản mục đầu tư. Đối với hoạt động góp vốn đầu tư, Ngân hàng chú trọng ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, y tế, giáo dục và an sinh xã hội, đồng thời thực hiện kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động các dự án/công ty mà Ngân hàng góp vốn, kiên quyết thoái vốn khỏi các đơn vị làm ăn không hiệu quả và các đơn vị có lĩnh vực đầu tư không thuộc lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng.

Năm 2020, khoản mục Trái phiếu TCKT giảm 100% so với năm 2019, trong đó, toàn bộ giá trị 473 tỷ đồng này là giá trị Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện tất toán toàn bộ giá trị trái phiếu này.

Ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm rà soát, đánh giá lại toàn bộ các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp khác. Mục tiêu của Ngân hàng là giảm dần việc góp vốn, mua cổ phần, đầu tư có hiệu quả chưa cao, cơ cấu lại các khoản góp vốn theo hướng tập trung vào các công ty, dự án có hiệu quả cao, phù hợp với định hướng khuyến khích đầu tư của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

2.3.2. Các công ty con

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Bắc Á

Hoạt động chính của Công ty là tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

Trong năm qua, hoạt động của công ty có một vài điểm nổi bật sau:

- Kết quả thu hồi nợ năm 2020 toàn Công ty là 52,57 tỷ đồng với 50 vụ việc được xử lý, giải quyết.
- Thực hiện hoàn thành 2.665 vụ việc thẩm định giá tài sản, toàn bộ các vụ việc thẩm định đều được hoàn thành trong thời hạn quy định, phần lớn đều đáp ứng được sự tin tưởng từ Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh và khách hàng.

- Trong năm 2020 Công ty quản lý tổng cộng 02 tài sản, với tổng giá trị khoảng 07 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện chuyển nhượng đối với 01 tài sản, Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tài sản trong năm của Công ty là 4 tỷ đồng.

❖ **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**

Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á được thành lập ngày 05 tháng 09 năm 2017. Sau thời gian 02 năm đầu tư và hoàn thiện cơ sở vật chất thì chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2019. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, doanh số chi trả kiều hối của công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể, doanh số cả năm chỉ đạt khoảng 80.000 USD. Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2020 đạt 4.181 triệu đồng, chủ yếu đến từ hoạt động tài chính.

2.4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất năm 2020 của Ngân hàng như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Quy mô vốn			
	Vốn chủ sở hữu	7.815	8.364	7,02%
	Vốn điều lệ	6.500	7.085	9,00%
2	Chất lượng tài sản			
	Tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng	0,69%	0,79%	0,10%
	Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay khách hàng	0,75%	0,85%	0,10%
	Quỹ dự phòng/Nợ xấu cho vay KH	131,00%	130,89%	-0,11%
3	Khả năng thanh khoản			
	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	16,18%	12,67%	-3,51%
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	76,44%	75,20%	-1,24%
4	Khả năng sinh lời			
	ROA (LNST/TTS bình quân)	0,73%	0,52%	-0,21%
	ROE (LNST/VCSH bình quân)	10,06%	7,27%	-2,79%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2020)

2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

• **Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2020**

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	155	708.500.000	7.085.000.000.000	100%
<i>1</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>09</i>	<i>26.125.593</i>	<i>261.255.930.000</i>	<i>3,69%</i>
<i>2</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>146</i>	<i>682.374.407</i>	<i>6.823.744.070.000</i>	<i>96,31%</i>
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	
<i>1</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>
<i>2</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng		155	708.500.000	7.085.000.000.000	100%

- **Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:**

STT	Cổ phiếu	31/12/2019	31/12/2020
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	650.000.000	708.500.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	650.000.000	708.500.000
	Cổ phiếu phổ thông	650.000.000	708.500.000
	Cổ phiếu ưu đãi		
3	Số lượng cổ phiếu được mua lại		
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	650.000.000	708.500.000
	Cổ phiếu phổ thông	650.000.000	708.500.000
	Cổ phiếu ưu đãi		
5	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2020)

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

2.6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BAC A BANK không tài trợ các dự án vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Đối với công tác tiền lương, Ngân hàng đã hoàn thành việc tính lương tháng, các loại lương kinh doanh, thưởng và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động đảm bảo không có sai sót và đúng thời gian quy định. Hàng năm, bộ phận lương và chế độ phúc lợi của Ngân hàng đều thực hiện khảo sát tiền lương trên toàn hệ thống.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng tổ chức cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe định kỳ hàng năm, đồng thời triển khai chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ cán bộ nhân viên của BAC A BANK, chương trình phúc lợi này được cán bộ nhân viên Ngân hàng hưởng ứng đánh giá cao.

2.6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

BAC A BANK luôn cam kết hoạt động hướng tới cộng đồng, xứng đáng với những giải thưởng đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận trong những năm qua như “Ngân hàng tiêu biểu Vì cộng đồng” 6 năm liên tiếp từ năm 2015 đến nay do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam trao tặng. Năm 2020, BAC A BANK đã chi hơn 12 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội như tài trợ giáo dục, y tế, ủng hộ người nghèo, khắc phục thiên tai, đền ơn đáp nghĩa và một số hoạt động khác.

- **Tài trợ y tế**

Năm 2020, ngân sách tài trợ cho y tế của Ngân hàng là hơn 6,91 tỷ đồng chủ yếu là các khoản tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Trong đó, 5 tỷ đồng được Ngân hàng ủng hộ ngay khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong nước theo lời kêu gọi của Chính phủ và Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam. Ngoài ra, Ngân hàng ủng hộ 940 triệu đồng để mua máy thở cho Bệnh viện Đa khoa Nghệ An và hơn 970 triệu đồng để ủng hộ cho công tác phòng chống dịch Covid-19 theo lời kêu gọi của Ngân hàng nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp tại các địa phương khắp cả nước.

- **Tài trợ giáo dục**

Về hoạt động giáo dục, Ngân hàng đã tài trợ 280 triệu đồng cho lĩnh vực này trong năm 2020, trong đó, gần 100 triệu đồng được tài trợ trực tiếp cho các trường học, các suất học bổng cho các trường học trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Thái Bình và Quảng Bình. Số tiền còn lại 180 triệu đồng được Ngân hàng tài trợ các suất học bổng, khuyến học cho các em học sinh nghèo vượt khó thông qua Quỹ Vì tầm vóc Việt.

Ngoài ra, Đoàn Thanh niên Ngân hàng TMCP Bắc Á đã vận động đoàn viên, thanh niên và toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng quyên góp, ủng hộ xây dựng Điểm trường mầm non Bản Chang, Xã Quảng Ngần, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang. Công trình Điểm trường do Đoàn thanh niên Ngân hàng TMCP Bắc Á phối hợp cùng Quý Vì tầm vóc Việt và Báo Nông thôn ngày nay thực hiện với tổng giá trị công trình là 500 triệu đồng, trong đó, Đoàn Thanh niên Ngân hàng TMCP Bắc Á tài trợ 250 triệu đồng.

- **Tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai**

Lũ lụt miền Trung và hạn mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long trong năm 2020 đều được xem là những đợt lũ lụt và hạn mặn lịch sử gây thiệt hại nặng nề cho các địa phương. Đặc biệt là 03 đợt lũ lụt miền Trung diễn ra liên tiếp trong tháng 10/2020 đã ảnh hưởng nghiêm trọng từ hư hỏng cơ sở vật chất, hạ tầng cho đến thiệt hại người và của, tác động xấu tới đời sống của người dân tại các tỉnh miền Trung. Ngay lập tức, BAC A BANK đã triển khai các hoạt động đồng hành cùng người dân các tỉnh miền trung khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt. Cụ thể, Ngân hàng đã tài trợ hơn 340 triệu đồng cho 02 tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Bình phục vụ công tác khắc phục hậu quả thiên tai. Ban chấp hành Công đoàn và Đoàn Thanh niên Ngân hàng cũng đã kêu gọi sự ủng hộ của toàn thể cán bộ nhân viên với tổng số tiền và hàng hóa là gần 700 triệu đồng để tài trợ trực tiếp cho người dân bị thiệt hại do lũ lụt tại các tỉnh miền Trung.

- **Hoạt động đền ơn đáp nghĩa và ủng hộ người nghèo**

Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, Hội sở chính và các Chi nhánh BAC A BANK trên khắp cả nước đã phối hợp cùng với các Cơ quan, Đoàn thể tổ chức kêu gọi quyên góp, ủng hộ gần 2.216 triệu đồng cho các hoạt động ủng hộ người nghèo. Các hoạt động ủng hộ người nghèo, Ngân hàng TMCP Bắc Á chủ yếu thực hiện tài trợ qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn Ngân hàng Nhà nước, Quý Vì người nghèo, Quý Vì Tầm vóc Việt

Cũng trong năm 2020, Ngân hàng đã ủng hộ 500 triệu đồng cho chương trình “Một triệu lá cờ cùng ngư dân bám biển” và phối hợp với Báo Lao động tài trợ 100 triệu đồng cho hoạt động xây dựng nhà tình nghĩa ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, để hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, trong năm 2020, các Chi nhánh BAC A BANK cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên trẻ em nghèo, làng trẻ mồ côi trên địa bàn các tỉnh.

- **Hoạt động ủng hộ, từ thiện khác**

Ngoài các hoạt động nêu trên, Ngân hàng Bắc Á và các Đơn vị trực thuộc vẫn luôn thường xuyên tham gia, hưởng ứng và tài trợ các chương trình có ý nghĩa theo lời kêu gọi của các Cơ quan, ban ngành, tổ chức thiện nguyện trên khắp cả nước thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao của BAC A BANK đối với cộng đồng, xã hội. Tổng số tiền Ngân hàng tài trợ cho các hoạt động an sinh xã hội khác trong năm 2020 là hơn 1.745 triệu đồng.

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh

- ❖ **Tăng trưởng ổn định, an toàn, bền vững**

Trong các năm vừa qua, tổng tài sản và các chỉ tiêu kinh doanh chính đều đạt mức tăng trưởng liên tục và ổn định. Tổng tài sản BAC A BANK đạt mức tăng trưởng trung bình từ năm 2016 đến 2020 là 13,21%/năm; tổng huy động vốn đạt mức tăng trung bình 13,39%/năm; dư nợ cho vay khách hàng tăng trung bình 13,76%/năm; lợi nhuận sau thuế đạt mức tăng trung bình là 12,18%/năm.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, các chỉ số an toàn hoạt động vẫn luôn được đảm bảo và tuân thủ theo quy định hiện hành. Tại ngày 31/12/2020, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng

đạt 8,39% (quy định của NHNN là $\geq 8\%$), tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 75,20% (quy định của NHNN là $\leq 85\%$), tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng là 0,79%, tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 12,67% (quy định của NHNN là $\geq 10\%$).

❖ **Tiếp tục phát triển theo đúng định hướng chiến lược đã đặt ra là một ngân hàng tư vấn đầu tư và cấp tín dụng cho các khách hàng trong các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục**

Những năm qua, với tư duy hành động Nghiêm túc - Chân chính - Kiêu hãnh và chiến lược sử dụng Trí tuệ Việt, Tài nguyên Thiên nhiên Việt kết hợp với Công nghệ đầu cuối của thế giới, Ngân hàng Bắc Á đã tham gia tư vấn đầu tư sản xuất sạch bằng việc đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Một số dự án nổi bật năm 2020 là:

- Khánh thành nhà máy chế biến hoa quả tươi và thảo dược Vân Hồ tại tỉnh Sơn La.
- Khởi công xây dựng Dự án Chăn nuôi bò sữa và Chế biến sữa công nghệ cao tại thị trấn biên giới Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng có tổng vốn đầu tư 2.544,5 tỷ đồng.
- Khởi công xây dựng Dự án Chăn nuôi bò sữa tập trung, quy mô công nghiệp công nghệ cao tại xã biên giới Mô Rai, huyện Sa Thầy có quy mô lớn số 1 của vùng Tây Nguyên với tổng diện tích 441 ha với quy mô đàn bò nuôi tập trung là 10.000 con.
- Khởi công xây dựng Dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại xã Vĩnh Gia và Vĩnh Phước, huyện biên giới Tri Tôn, tỉnh An Giang với tổng mức đầu tư 2.655 tỷ đồng.

❖ **Phát triển mạng lưới rộng khắp**

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 145 điểm trên địa bàn 32 tỉnh/thành phố với 01 Hội sở chính, 44 Chi nhánh và 100 Phòng giao dịch. Ngày 28/01/2021, Chi nhánh Bắc Ninh đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 146 điểm.

Theo kế hoạch dự kiến năm 2021, Ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động thêm 05 Chi nhánh mới tại các địa bàn tỉnh Hoà Bình, Hải Dương, An Giang, Đồng Tháp, Bình Thuận và 04 Phòng Giao dịch mới trên địa bàn các tỉnh Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Đồng Nai, Phú Yên.

❖ **Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ**

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của nền kinh tế, Ngân hàng luôn cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong các năm gần đây, Ngân hàng đã giới thiệu đến khách hàng hàng loạt các sản phẩm dịch vụ hấp dẫn, phục vụ các nhu cầu tài chính thiết yếu.

● **Các sản phẩm tín dụng mới linh hoạt, đa dạng**

Nắm bắt được nhu cầu mua sắm lớn (nhà đất, xe cộ) và chi tiêu ngày càng tăng của khách hàng, BAC A BANK tiếp tục cung cấp nhiều sản phẩm cho vay đa dạng, phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng như Cho vay mua ô tô – Dream Car, Cho vay mua Bất động sản – Dream Home, Cho vay mua nhà dự án – Premium Home, Cho vay sửa chữa nhà – Fine House, Cho vay học phí TH School – Dream School và Cho vay tiêu dùng – Smart Life.

Trong năm 2020, Ngân hàng đã triển khai thêm các sản phẩm tín dụng mới là: sản phẩm “Cho vay mua Bất động sản đối với Khách hàng cá nhân”; sản phẩm “Cho vay bổ sung vốn kinh doanh đối với Khách

hàng cá nhân”; sản phẩm “Cấp tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp ngành Dược phẩm, Vật tư và Thiết bị y tế”; sản phẩm “Cho vay Cầm cố sổ dư tài khoản Tiền gửi trực tuyến tại quầy”.

Bên cạnh việc cung cấp nhiều sản phẩm tín dụng đa dạng, trong năm qua, BAC A BANK cũng đã triển khai rất nhiều chương trình ưu đãi nhằm hỗ trợ tối đa cho nhu cầu vay vốn của khách hàng, cụ thể:

- Ngày 01/01/2020, BAC A BANK triển khai Chương trình tín dụng “Vay ưu đãi - Trọn niềm vui” dành cho Khách hàng cá nhân.
- Ngày 15/06/2020, BAC A BANK triển khai Chương trình “Siêu ưu đãi tín dụng, An tâm cuộc sống cùng BAC A BANK” dành cho khách hàng cá nhân vay vốn và tham gia bảo hiểm nhân thọ tại BAC A BANK.
- Ngày 20/07/2020, BAC A BANK triển khai Chương trình tín dụng “BAC A BANK - Đồng hành cùng kinh doanh” dành riêng cho đối tượng khách hàng cá nhân.
- Ngày 20/08/2020, BAC A BANK triển khai Chương trình ưu đãi lãi suất Cùng BAC A BANK - Vững bước kinh doanh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nhanh chóng và hiệu quả nguồn vốn, góp phần tối ưu hóa lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ngày 01/12/2020, BAC A BANK triển khai Chương trình ưu đãi phí dịch vụ bảo lãnh "BAC A BANK trao ưu đãi - Giữ trọn niềm tin" dành cho các doanh nghiệp phát hành bảo lãnh tại BAC A BANK.
- Ngày 29/12/2020, BAC A BANK triển khai Chương trình ưu đãi cho vay "Nhận ưu đãi - Giành thành công" áp dụng cho Khách hàng cá nhân.

- **Các sản phẩm tiết kiệm**

BAC A BANK thường xuyên chú trọng đổi mới và hoàn thiện các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm nhằm phát triển quy mô Huy động vốn tại BAC A BANK. Tại ngày 31/12/2020, Huy động vốn thị trường 1 của BAC A BANK đạt mức 92.332 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 87,34% trên tổng huy động vốn.

Năm 2020, BAC A BANK tiếp tục triển khai hiệu quả các sản phẩm “Tiết kiệm lực lượng vũ trang”, “Tiết kiệm người cao tuổi”, “Tiết kiệm Người xây tổ ấm”, “Tiết kiệm sinh lợi mỗi ngày” và “Tiền gửi trực tuyến” đã góp phần giúp Huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng 12,19% so với năm 2019.

- **Các chương trình tri ân khách hàng, khuyến mại hấp dẫn**

Với phương châm luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, BAC A BANK không ngừng cung cấp những trải nghiệm tuyệt vời cho người gửi tiền bằng giá trị gia tăng vượt trội. Trong năm 2020, Ngân hàng đã triển khai hàng loạt các chương trình khuyến mại hấp dẫn, cạnh tranh như: Chương trình “8/3 - Yêu thương gửi trọn” nhằm tri ân các khách hàng nữ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; Chương trình khuyến mại “Mừng Xuân Canh Tý - Gửi lộc tri ân”; Chương trình khuyến mại “Mừng ngày Giải phóng - Quà trọn yêu thương”; Chương trình khuyến mại “Tích lũy bảo vệ, Quà tặng nhân đôi” nhằm tri ân các khách hàng thân thiết, thường xuyên giao dịch tại BAC A BANK.

Ngoài ra, BAC A BANK cũng đã liên kết với các đối tác cung cấp dịch vụ và mua sắm, thường xuyên triển khai các ưu đãi dành riêng cho các khách hàng là chủ thẻ của BAC A BANK như: Viettel, Mobiphone, Vinaphone, Momo, VNpay, FPT, VinID, Airpay, QRPay, Lazada, Adayroi, Vietnam Airlines, Bamboo Airway, CGV Vietnam, BHD Star Cineplex...

- **Siêu thị tài chính BAC A BANK**

BAC A BANK hướng đến mô hình - siêu thị tài chính một cửa cho khách hàng. Đây là mô hình kinh doanh kết hợp ngân hàng - bảo hiểm (bancassurance), mang lại những tiện ích vượt trội cho khách hàng. Đến với BAC A BANK, khách hàng sẽ được tiếp cận một siêu thị tài chính đúng nghĩa nơi có thể lựa chọn các giải pháp tài chính ngân hàng phù hợp với từng nhu cầu khác biệt.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, khách hàng được tư vấn các sản phẩm bảo hiểm cho chính khách hàng và tài sản của khách hàng: bảo hiểm xe ô tô B-auto, bảo hiểm nhà Bhome, bảo hiểm nhân thọ... Đây là các sản phẩm bảo hiểm do BAC A BANK là đại lý hợp tác với các công ty bảo hiểm, giúp các khách hàng vay vốn yên tâm khi mọi kế hoạch dự định ban đầu sẽ luôn được đảm bảo trong mọi trường hợp.

❖ **Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp**

Nhằm khuyến khích phong trào thi đua nội bộ và thúc đẩy doanh số hoạt động, BAC A BANK đã triển khai hàng loạt các chương trình thi đua trong năm 2020 như: Chương trình thi đua tăng trưởng dư nợ khách hàng cá nhân đối với các sản phẩm tín dụng “Tăng trưởng nhanh - Giành giải lớn”, Chương trình thúc đẩy phát triển sản phẩm thanh toán lương qua tài khoản cho khách hàng doanh nghiệp “Tăng trưởng Payroll - Nhận ngay tiền thưởng”, Chương trình thi đua tăng trưởng dư nợ tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp trong năm 2020 “Giải ngân ngay - Thưởng liền tay”, Chương trình thi đua “Bảo lãnh tăng nhanh - Đồng hành giải thưởng” đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các đơn vị và cán bộ nhân viên.

Cũng trong năm 2020, BAC A BANK đã triển khai chuỗi các chương trình thi đua nội bộ của Mô hình hợp tác kinh doanh bảo hiểm BAC A BANK – DAI-ICHI: “Khởi động sớm, Về đích nhanh”, “Hành trình vàng châu Âu”, “Tranh tài nhận thưởng Quý 2/2020”, “90 ngày - Tăng tốc bứt phá”, “Thần tốc Tháng 7”, “Giới thiệu ngay - Nhận thưởng lớn”, “Về đích thắng lợi 2020”, “Về đích ngoạn mục, Nhận ngay thưởng lớn” nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh hoàn thành, vượt chỉ tiêu thu phí bảo hiểm và thúc đẩy công tác thu phí chung của toàn hàng năm 2020.

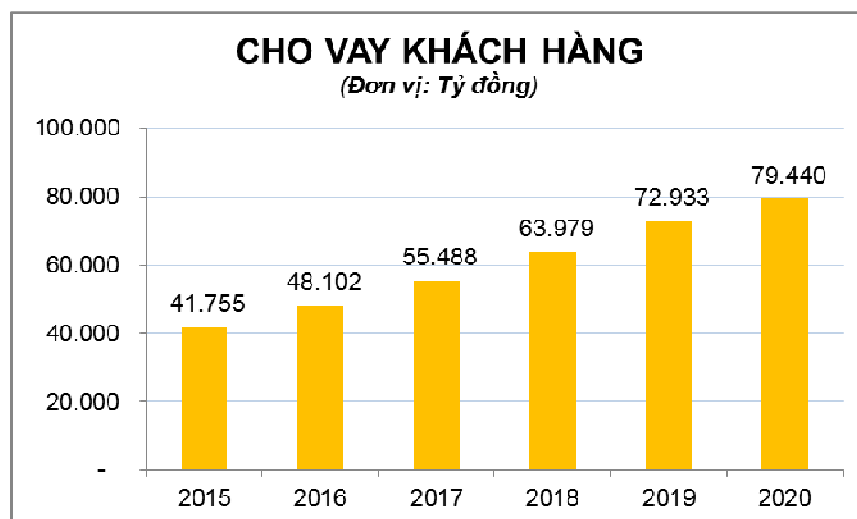
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

3.2.1. Tình hình tài sản

Trong cơ cấu tài sản Ngân hàng, tín dụng và các khoản mục đầu tư luôn chiếm tỷ trọng cao trong bảng tổng tài sản. Trong năm 2020, các khoản mục tài sản của Ngân hàng tăng trưởng ổn định và đi kèm với đó là chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.

❖ **Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định với cơ cấu hợp lý, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng**

Trong suốt những năm qua, BAC A BANK luôn kiên định con đường hướng tới các khách hàng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, mang tính an sinh xã hội nhằm tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững. Với đường lối đó, Ngân hàng đã ưu tiên nguồn vốn tín dụng và tư vấn đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng như bệnh viện, trường học, sản xuất dược liệu và sữa tươi sạch...



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2015 đến 2020)

Trong giai đoạn vừa qua tổng dư nợ cho vay khách hàng của BAC A BANK liên tục tăng trưởng. Năm 2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 79.440 tỷ đồng, tăng 6.507 tỷ đồng, tương ứng tăng 8,92% so với năm 2020. Trong đó, Ngân hàng ưu tiên nguồn vốn cấp tín dụng cho các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế như lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, y tế và giáo dục; hạn chế cho vay các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Mặc khác, Ngân hàng chú trọng duy trì sự cân đối giữa cho vay và huy động về cả quy mô, kỳ hạn và loại tiền, đảm bảo sự an toàn, giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của Ngân hàng luôn bám sát chiến lược theo từng thời kì, đảm bảo cân đối về kỳ hạn với nguồn vốn huy động, từ đó góp phần quản lý thanh khoản hiệu quả và giảm thiểu rủi ro về lãi suất. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi luôn đảm bảo dưới 85% theo quy định của NHNN (tại 31/12/2020, tỷ lệ này là 75,20%).

Cùng với sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tín dụng theo định hướng đã đề ra, chất lượng tín dụng cũng luôn được BAC A BANK quan tâm đúng mức. Ngân hàng luôn thực hiện việc kiểm soát chính sách tín dụng một cách chặt chẽ và thận trọng. Công tác rà soát, phân loại nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của NHNN luôn được thực hiện nghiêm túc. Tại thời điểm cuối năm 2020, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng của Ngân hàng là 0,79% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

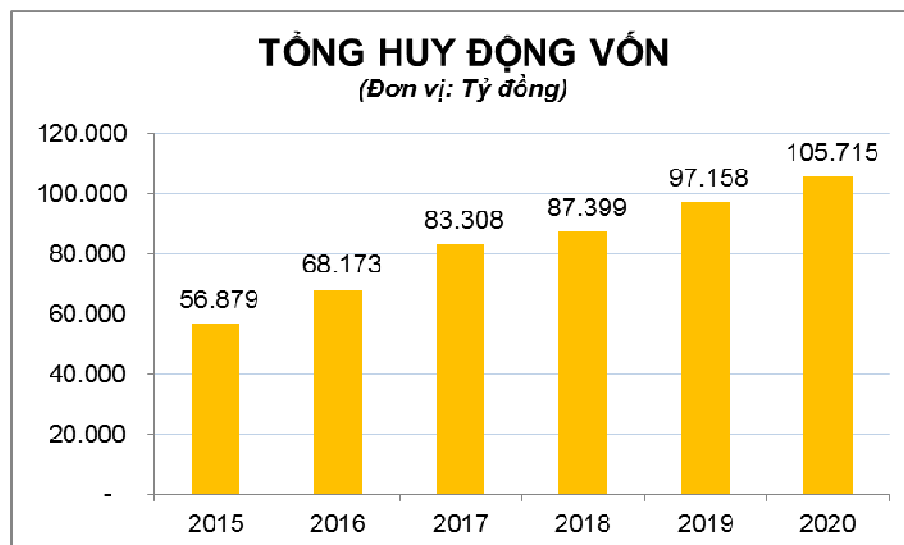
❖ **Ngân hàng thực hiện đầu tư linh hoạt, hiệu quả**

Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, đồng thời giảm dần phụ thuộc thu nhập từ tín dụng, Ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và luôn duy trì tỷ trọng đầu tư hợp lý trong tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD với ưu điểm ít rủi ro và có tính thanh khoản tốt với mức sinh lời hợp lý. Ngân hàng chủ trương không chú trọng đầu tư cổ phiếu. Với nguồn vốn khả dụng dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng thận trọng thì việc đầu tư vào trái phiếu là tối ưu, vừa đảm bảo khả năng sinh lời vừa đảm bảo tính thanh khoản cao cho Ngân hàng, đồng thời cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc thu nhập vào hoạt động tín dụng.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả

❖ **Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững**

Huy động vốn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, bởi đây là nguồn vốn khả dụng chủ yếu cho các hoạt động tín dụng và đầu tư. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Ngân hàng đã triển khai các chương trình khuyến mại hấp dẫn, không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi phù hợp với từng phân khúc khách hàng đồng thời đẩy mạnh công tác thương hiệu nhằm thu hút khách hàng.



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2015 đến 2020)

Năm 2020, Tổng huy động vốn của Ngân hàng đạt 105.715 tỷ đồng, tăng trưởng 8,81% so với năm 2019. Trong đó, huy động vốn thị trường 1 tăng 10.034 tỷ đồng, tương ứng tăng 12,19% so với năm 2019, nâng tổng huy động vốn thị trường 1 lên 92.332 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 87,34% trên tổng huy động vốn. Huy động từ thị trường 2 tại thời điểm 31/12/2020 là 13.383 tỷ đồng chỉ chiếm tỷ trọng 12,66% tổng huy động. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Đạt được kết quả tích cực trong công tác huy động vốn có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng đã tạo được dấu ấn tốt và niềm tin cho khách hàng. Sau thời gian tự tái cấu trúc chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới của một ngân hàng thương mại hiện đại, đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, tính chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của Ngân hàng đã được nâng cao và đã tạo được ấn tượng tốt với các khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng.

Trong thời gian qua Ngân hàng phát triển các dịch vụ, tiện ích phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, bên cạnh đó không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường khuyến mãi, quà tặng tri ân khách hàng thân thiết nhằm tạo mối quan hệ gắn bó. Công tác đào tạo cán bộ chăm sóc khách hàng cũng luôn chú trọng để đảm bảo chất lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu và chuyên nghiệp.

3.3. Kế hoạch phát triển

Với mục tiêu sẽ trở thành một ngân hàng đa năng có quy mô vừa, kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và ưu tiên cho vay các khách hàng trong lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... BAC A BANK sẽ thúc đẩy toàn diện hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch trên mọi mặt công tác.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2021 là:

(1) - Về công tác huy động vốn: Tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế, khuyến khích tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ để duy trì ổn định nguồn vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện các giải pháp để tăng quy mô và tăng huy động kỳ hạn dài, tăng tỷ trọng huy động vốn TCKT, từng bước giảm dần giá vốn; Xây dựng gói chính sách ưu đãi, hấp dẫn song song với việc xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng VIP, tiến hành phân lớp khách hàng chi tiết hơn để thúc đẩy huy động vốn trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

(2) - Về hoạt động cho vay và xử lý nợ xấu: Thực hiện cho vay theo định hướng của HĐQT và mức tăng trưởng được giao của NHNN; Tăng cường giám sát hoạt động cho vay để đảm bảo chất lượng tín dụng, đôn đốc thu hồi nợ, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu; Đẩy mạnh công tác hỗ trợ tín dụng để thúc đẩy tín dụng tại các Chi nhánh. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, duy trì tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch đề ra, trích lập dự phòng rủi ro đủ theo quy định.

(3) - Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ hiện có, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài để bổ sung nhân sự cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Tiếp tục rà soát xây dựng, bổ sung đầy đủ và hoàn thiện các chính sách nhân sự, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển dụng.

(4) – Về hoạt động tư vấn đầu tư: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn đầu tư gồm các nội dung tư vấn như: Lập báo cáo đầu tư cho các dự án; Tư vấn cấp giấy chứng nhận đầu tư/ quyết định chủ trương đầu tư; Tư vấn lập đề án/ phương án sản xuất kinh doanh; Tư vấn hoàn thiện thủ tục pháp lý; Tư vấn thu xếp vốn; Tư vấn về các chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư như thuế, đất đai, môi trường, các chính sách hỗ trợ đầu tư,... Phần đầu hoàn thành kế hoạch thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư đã đề ra từ đầu năm.

(5) - Về hoạt động dịch vụ: Thúc đẩy hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập thuần. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ tầng công nghệ. Thúc đẩy thực hiện Dự án ngân hàng số và Thẻ tín dụng.

(6) - Quản lý chi phí: Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chi phí hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống. Tăng cường quản lý chi phí thường xuyên, giám sát thực hiện các quy định thu chi nội bộ, tổng hợp đánh giá hiệu quả quản lý chi phí toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh.

(7) - Phát triển mạng lưới: Khẩn trương hoàn thành xây dựng cải tạo địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất và tuyển dụng nhân sự để đưa các Chi nhánh, Phòng giao dịch đã được cấp phép đi vào hoạt động sớm. Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát khả năng mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, hoàn thành các thủ tục xin cấp phép theo kế hoạch đề ra.

(8) - Công nghệ thông tin: Tiếp tục đầu tư để phát triển hệ thống công nghệ thông tin, duy trì hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật; Cải tiến các tính năng hiện có để nâng cao tính tiện dụng các nghiệp vụ hiện tại, đầu tư bổ sung các tính năng mới để đáp ứng tốc độ phát triển của ngân hàng; Xây dựng lộ trình cải tiến công nghệ phù hợp với xu thế phát triển công nghệ hiện nay.

(9) - Quản trị rủi ro: Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa, cảnh báo rủi ro, phát hiện kịp thời các sai phạm về hoạt động kinh doanh. Tham gia quá trình kiểm soát rủi ro đối với từng sản phẩm, từng quy trình, quy chế hoạt động vận hành tác nghiệp; Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong năm và triển khai thực hiện, chú trọng vào những đơn vị, những mảng nghiệp vụ có đánh giá mức độ rủi ro cao; Xử lý nghiêm các sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

(10) - Truyền thông quảng bá thương hiệu: Thực hiện tốt công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, công tác xã hội, thiện nguyện, tham gia các giải thưởng bình chọn của một số tổ chức uy tín trong nước và quốc tế nhằm tiếp tục nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế thương hiệu BAC A BANK trên thị trường.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Năm 2020, do ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh Covid-19, tăng trưởng kinh tế thế giới đã suy giảm 4,4%. Việt Nam với mức tăng trưởng 2,91%, là nền kinh tế tăng trưởng cao nhất khu vực Asean và nằm trong nhóm những quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2020. Đây được xem là một thành công lớn của Việt Nam trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới.

Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường tiền tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tín dụng tăng cường khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế. Quá trình cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 được ngành Ngân hàng quan tâm triển khai, cùng với việc Quốc hội ban hành Nghị quyết 42 tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc xử lý nợ xấu. Kết quả tái cơ cấu và xử lý nợ xấu bước đầu đã giúp hệ thống ngân hàng tiếp tục duy trì sự ổn định, ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn hệ thống. Qua đó tiếp tục củng cố niềm tin của người dân đối với hệ thống ngân hàng và đóng góp thiết thực vào quá trình tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, BAC A BANK tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành và toàn hệ thống phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, tồn tại, đã nỗ lực hoàn thành những kết quả quan trọng như sau:

- Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Toàn hệ thống BAC A BANK đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020, trong đó, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch và đạt cao nhất so với các năm trước đây gồm:

Huy động vốn thị trường 1 đạt 92.332 tỷ đồng, tăng 12,19% so với năm 2019; Dự nợ cho vay khách hàng tăng 8,92% đạt 99,03% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 588 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch đặt ra.

Bên cạnh đó, BAC A BANK tuân thủ trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước về các chỉ số an toàn trong hoạt động. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh (ROE, ROA) của Ngân hàng nằm trong nhóm ngân hàng TMCP có chỉ số tốt.

- ***Hoàn thành Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2017 – 2020***

Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2017 – 2020 của BAC A BANK được NHNN chính thức thông qua ngày 15/06/2018. Trong những năm qua, Ngân hàng đã đẩy mạnh thực hiện các nội dung trong Phương án cơ cấu lại để đạt mục tiêu trở thành một ngân hàng có quy mô vừa, tăng trưởng lành mạnh, chất lượng và hiệu quả cao, tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính, năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh,... Đến cuối năm 2020, Ngân hàng cơ bản hoàn thành các nội dung mục tiêu, kế hoạch đề ra theo lộ trình thực hiện của Phương án, trong đó, hoàn thành tất cả các chỉ tiêu định tính và 12/14 chỉ tiêu định lượng.

- ***Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ sung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự***

Trong năm 2020, BAC A BANK được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cấp phép và đã hoàn thành mở rộng mạng lưới hoạt động thêm 9 điểm giao dịch gồm 04 Chi nhánh và 05 Phòng giao dịch tại địa bàn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Nam Định, Bắc Giang, Ninh Bình, Bình Dương, Vũng Tàu, Khánh Hòa. Dự kiến trong năm 2021, BAC A BANK sẽ mở rộng mạng lưới thêm 05 Chi nhánh và 04 Phòng giao dịch mới.

Đến 31/12/2020, BAC A BANK có mạng lưới 145 điểm giao dịch, gồm Hội sở, 44 Chi nhánh, 100 Phòng giao dịch tại 32 tỉnh thành trên toàn quốc với đội ngũ cán bộ nhân viên 2.512 người, cơ cấu tổ chức bộ máy được củng cố, nâng cấp, sắp xếp lại phù hợp.

- ***Năm tiếp nối thành công của các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư***

Năm 2020 là năm tiếp nối thành công của các Dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư, trong đó, các trang trại bò sữa của Tập đoàn TH do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã tiếp tục nhập khẩu thêm hàng nghìn con bò sữa cao sản thuần chủng Holstein Friesian (HF) nhập khẩu từ Mỹ về Việt Nam nâng quy mô đàn bò sữa của Tập đoàn này lên 45.000 con và dự kiến đạt 70.000 con vào cuối năm 2021. Nhà máy chế biến hoa quả tươi và thảo dược Vân Hồ tại tỉnh Sơn La cũng chính thức được khánh thành, nhà máy là điểm nhấn quan trọng trong hành trình TH đưa nông dân đi theo chuỗi sản xuất khép kín, bắt đầu từ khâu nguyên liệu, cùng nông dân làm kinh tế dưới tán rừng, xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tri thức, phát huy nguồn gen quý của các cây bản địa để sản xuất các sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, vì sức khỏe cộng đồng, phát triển nông nghiệp bền vững tại Sơn La và vùng Tây Bắc.

Cũng trong năm 2020, hàng loạt dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã được khởi công xây dựng, điển hình như: Dự án Chăn nuôi bò sữa và Chế biến sữa công nghệ cao tại thị trấn biên giới Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng có tổng vốn đầu tư 2.544,5 tỷ đồng, xây dựng cụm trang trại chăn nuôi tập trung với quy mô đàn bò sữa 10.000 con và nhà máy chế biến sữa công suất 49.000 tấn/năm; Dự án Chăn nuôi bò sữa tập trung, quy mô công nghiệp công nghệ cao tại xã biên giới Mô Rai, huyện Sa Thầy, đây sẽ là trang trại bò sữa và nhà máy chế biến sữa tươi sạch có quy mô lớn số 1 của vùng Tây Nguyên với tổng diện tích 441 ha với quy mô đàn bò nuôi tập trung là 10.000 con, đàn bò nuôi liên kết với nông dân dự kiến 20.000 con thông qua mô hình hợp tác xã công nghệ cao; xây dựng nhà máy chế biến sữa công suất 150 tấn/ngày; Dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại xã Vĩnh Gia và Vĩnh Phước, huyện biên giới Tri Tôn, tỉnh An Giang. Với tổng mức đầu tư 2.655 tỷ đồng, khi đi vào vận hành, đây là dự án chăn nuôi bò sữa tập trung công nghệ cao, quy trình khép kín lớn nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với quy mô đàn bò nuôi tập trung là 10.000 con, nhà máy chế biến sữa tươi sạch công suất 135 tấn/ngày.

- ***Các giải thưởng được trao tặng***

Năm 2020, Lãnh đạo và Ngân hàng tiếp tục nhận được những giải thưởng có uy tín. Ngày 11/10/2020, Tổng giám đốc Thái Hương vinh dự được đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới -

danh hiệu cao quý nhất mà Đảng và Nhà nước trao tặng. Bên cạnh đó, nhờ những đóng góp tích cực trong nhiều hoạt động an sinh xã hội ý nghĩa những năm vừa qua, BAC A BANK lần thứ 6 liên tiếp được nhận giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Vì cộng đồng trong khuôn khổ “Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2020 - Vietnam Outstanding Banking Awards 2020” do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp tổ chức. Trong năm, Ngân hàng cũng vinh dự được nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tại Lễ trao giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động 2020 và Bằng khen Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2020 của UBND tỉnh Nghệ An.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc và sát sao việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ Ngân hàng và quy chế Quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành để triển khai các nhiệm vụ, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành qua các cuộc họp định kỳ. Tổng Giám đốc tham dự đầy đủ các buổi họp, báo cáo tình hình mọi mặt hoạt động của Ngân hàng cũng như các kế hoạch sắp tới. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc cũng đưa ra nhiều ý kiến xây dựng quan trọng, đề xuất các kế hoạch trình Hội đồng Quản trị. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định kịp thời hoặc phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, triển khai thực hiện.

Năm 2020, trước những thách thức, khó khăn riêng của quá trình tái cơ cấu, cạnh tranh ngày càng cao trong ngành ngân hàng, Ban Điều hành đã tiếp tục chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở bám sát các định hướng của Hội đồng Quản trị cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra một cách mạnh mẽ, Ngân hàng đứng trước những cơ hội cũng như thách thức mới. Công nghệ đang dần ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách vận hành ngân hàng và công tác quản trị nguồn nhân lực cũng như ngày càng liên quan mật thiết đến cách thức ngân hàng kết nối với khách hàng. BAC A BANK đã nắm bắt xu hướng đó và đang chủ động chuẩn bị các tiền đề để xây dựng phát triển mô hình ngân hàng số, trước mắt là tập trung đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 để đạt mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu tại Việt Nam.

BAC A BANK tiếp tục phát huy thế mạnh tư vấn đầu tư và cho vay đối với các lớp khách hàng phát triển chuyên sâu và bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng, phù hợp với xu hướng thị trường; phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo sát sao Ban Điều hành và toàn hệ thống nỗ lực tối đa triển khai các giải pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Các nội dung cơ bản trong chỉ đạo điều hành của Hội đồng Quản trị gồm:

- Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng lành mạnh, an toàn, có chất lượng và hiệu quả về quy mô hoạt động kinh doanh. Cụ thể: Tiếp tục triển khai tăng vốn điều lệ theo lộ trình để đảm bảo đáp ứng đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; Đẩy mạnh tăng trưởng huy động vốn khách hàng và chuyển dịch tăng huy động vốn kỳ hạn dài; Tăng trưởng tín dụng đúng định hướng, đảm bảo chất lượng tín dụng, quyết liệt xử lý nợ xấu; Tiếp tục cơ cấu lại danh mục tài sản, công nợ, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; Phát triển hệ thống mạng lưới, các kênh phân phối, phát triển thị trường và sản phẩm dịch vụ bán lẻ, tăng mức thu dịch vụ; Tiếp tục nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu, tham gia các giải thưởng, bình chọn uy tín.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự: Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có, hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, xây dựng các chính sách đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi để cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị phù hợp với các chuẩn mực hiện nay, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động để ngăn ngừa và phát hiện các sai phạm trong hoạt động kinh doanh.
- Công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về phát triển và công tác quản trị của Ngân hàng.
- Triển khai đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của thu nhập và lợi nhuận từ hoạt động tín dụng. Khai thác thu dịch vụ từ hoạt động thế mạnh là dịch vụ tư vấn đầu tư. Thúc đẩy việc thực hiện Dự án Ngân hàng số.
- Tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG	Trang
THÔNG TIN CHUNG	32
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	34 - 35
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	36 - 80
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	36 - 38
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	39
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	40 - 41
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	42 - 80

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 47/GP-NHNN ngày 16/04/2019, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 32 ngày 28/09/2020.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thoáng	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Phàng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Công	Trưởng ban
Ông Thái Đình Long	Thành viên
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Ngân hàng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH PKF Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 03 năm 2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2888-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2020	31/12/2019
			Triệu VND	Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	638.946	568.407
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	730.267	495.075
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	12.379.375	12.520.555
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		11.778.379	12.062.775
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		600.996	457.780
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	7.836.500	3.136.500
1	Chứng khoán kinh doanh		7.836.500	3.136.500
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	9.739	27.641
VI	Cho vay khách hàng		78.618.640	72.278.567
1	Cho vay khách hàng	8	79.440.423	72.933.312
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(821.783)	(654.745)
VIII	Chứng khoán đầu tư	10	13.218.570	14.729.864
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		13.232.445	14.636.506
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	473.078
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(13.875)	(379.720)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	193.660	268.660
4	Đầu tư dài hạn khác		195.660	270.660
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.000)	(2.000)
X	Tài sản cố định		726.014	671.020
1.	Tài sản cố định hữu hình	12	149.708	132.437
a	Nguyên giá TSCĐ		383.691	342.831
b	Hao mòn TSCĐ		(233.983)	(210.394)
3.	Tài sản cố định vô hình	13	576.306	538.583
a	Nguyên giá TSCĐ		659.744	616.328
b	Hao mòn TSCĐ		(83.438)	(77.745)
XI	Bất động sản đầu tư	14	3.683	7.802
a	Nguyên giá BĐSĐT		3.683	7.802
XII	Tài sản Có khác	15	2.833.999	3.185.678
1	Các khoản phải thu		215.793	156.153
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.579.789	2.987.795
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		833	1.785
4	Tài sản Có khác		37.584	39.945
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		117.189.393	107.889.769

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	16	147.537	196.047
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	13.231.963	14.658.448
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		13.231.030	13.067.379
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		933	1.591.069
III	Tiền gửi của khách hàng	18	86.442.223	76.163.271
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	3.120	5.587
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	5.889.835	6.134.254
VII	Các khoản nợ khác		3.111.133	2.917.177
1	Các khoản lãi, phí phải trả		2.732.698	2.613.019
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21	378.435	304.158
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		108.825.811	100.074.784
VIII	Vốn chủ sở hữu	22	8.363.582	7.814.985
1	Vốn của tổ chức tín dụng		7.092.398	6.507.398
a	Vốn điều lệ		7.085.000	6.500.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		7.398	7.398
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		598.482	486.509
5	Lợi nhuận chưa phân phối		672.702	821.078
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		117.189.393	107.889.769

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2020	31/12/2019
			Triệu VND	Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	35	51.128	38.160
2	Cam kết giao dịch hối đoái	35	19.792.211	20.342.469
a	Cam kết mua ngoại tệ		551.655	1.663.950
b	Cam kết bán ngoại tệ		443.953	3.063.897
c	Cam kết giao dịch hoán đổi		18.796.603	15.614.622
3	Cam kết cho vay không hủy ngang	35	65.309	29.745
5	Bảo lãnh khác	35	368.733	385.862

Người lập biểu

Đoàn Thị Trang Liên

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Thái Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	9.824.590	8.936.134
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(7.793.519)	(6.969.579)
I	Thu nhập lãi thuần		2.031.071	1.966.555
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		91.143	107.180
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(31.381)	(34.455)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	59.762	72.725
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	23.782	30.655
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	46.735	25.974
5	Thu nhập từ hoạt động khác		81.388	88.879
6	Chi phí hoạt động khác		(16.437)	(7.699)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	64.951	81.180
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	3.227	15.297
VIII	Chi phí hoạt động	30	(1.240.389)	(1.103.592)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		989.139	1.088.794
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(254.326)	(154.901)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		734.813	933.893
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(146.067)	(183.719)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(952)	(718)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(147.019)	(184.437)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		587.794	749.456
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	22.2	830	1.058

Người lập biểu



Đoàn Thị Trang Liên

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Thái Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 Triệu VND	Năm 2019 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		9.072.495	8.810.450
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.673.840)	(6.675.098)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		56.414	102.161
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		1.233.966	63.754
05	Thu nhập khác		(10.824)	14.968
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		75.775	66.212
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.157.051)	(1.023.913)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(159.699)	(179.585)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.437.236	1.178.949
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(143.215)	(457.781)
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(172.937)	(1.061.396)
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		17.901	55.250
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(6.503.779)	(8.956.023)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (Tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(456.464)	(2.125)
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(57.281)	(61.392)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		(48.510)	83.556
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		(1.426.485)	1.252.566
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)		10.278.952	3.628.849
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(244.419)	4.800.406
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(2.467)	(6.880)
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		31.087	24.121
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(33.134)	(18.724)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.676.485	459.377
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Mua sắm tài sản cố định		(84.396)	(47.771)
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(3.177)	-
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		4.119	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		75.000	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		3.228	15.297
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.226)	(32.474)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 Triệu VND	Năm 2019 Triệu VND
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.671.259	426.903
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		13.126.257	12.699.354
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	32	15.797.516	13.126.257

Người lập biểu



Đoàn Thị Trang Liên

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Yên

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Thái Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng có thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, đã được cấp đổi theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GPNNHN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/04/2019.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Ngân hàng là:

- Kinh doanh tiền tệ;
- Kinh doanh khách sạn;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn thuế, kiểm toán, kế toán và tư vấn pháp luật);
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Hoạt động ngoại hối;
- Hoạt động bao thanh toán;
- Phái sinh về lãi suất;
- Chiết khấu công cụ, chuyển nhượng Giấy tờ có giá.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.085 tỷ VND (Bảy nghìn không trăm tám mươi lăm tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 117 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, hai (02) công ty con tại Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020 của Ngân hàng

<u>Công ty con</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Bắc Á (AMC)	Quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay	100%
Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á	Cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ	100%

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có 2.512 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.195 nhân viên).

2 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 . Năm tài chính và đơn vị tiền tệ

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán

Ngân hàng đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN.

2.3 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và Báo cáo tài chính của các công ty con do Ngân hàng kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Ngân hàng, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Ngân hàng. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4 . Các cơ sở đánh giá và ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.5 . Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại hoạt động kinh doanh ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.6 . Các khoản đầu tư chứng khoán

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc các chứng khoán khác được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Ngân hàng và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội/chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) và các tổ chức tín dụng

Khi Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, Ngân hàng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận từ VAMC qua nghiệp vụ mua bán nợ trên tài khoản chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

2.7 . Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Ngân hàng nắm quyền kiểm soát được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Ngân hàng nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Ngân hàng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 11% quyền biểu quyết và đồng thời là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

2.8 . Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì Ngân hàng xác định mức dự phòng cho từng khoản đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 thông tư số 48/2019/TT-BTC.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Ngân hàng xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UpCom), thì Ngân hàng thực hiện dự phòng rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng thực hiện tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo mệnh giá và thời hạn của trái phiếu trừ (-) số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được trích lập nếu có cơ sở cho thấy tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đầu tư có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư ban đầu của Ngân hàng.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.9 . Các khoản cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 18/03/2014, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo mức độ rủi ro như sau: *Nợ đầu tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Từ ngày 13/03/2020, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Thông tư 01") quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01, Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 01 năm 2020.

Ngoài ra, theo Thông tư số 10/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20/03/2014, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: *Nợ trong hạn* và *Nợ quá hạn* dựa vào trạng thái quá hạn của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng được lập theo quý và được ghi nhận vào chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong quý tiếp theo. Riêng dự phòng của quý 4 được lập và ghi nhận trong tháng 12 trên cơ sở các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 hàng năm. Theo Thông tư số 02 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, dự phòng rủi ro tín dụng gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Dự phòng cụ thể: Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung: Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4.

Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng phải thành lập hội đồng xử lý rủi ro để quyết định việc sử dụng dự phòng rủi ro cho xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

2.10 . Các khoản cam kết ngoại bảng

Ngân hàng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng tiền lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng phải thực hiện phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm (xem Thuyết minh 2.9) để thực hiện quản lý.

2.11 . Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá mua và bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.12 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 11 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bất động sản đầu tư chủ yếu là quyền sử dụng đất lâu dài nắm giữ vì mục đích chờ tăng giá và không trích khấu hao.

2.13 . Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay tổ chức tín dụng khác

Hoạt động gửi tiền có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được Ngân hàng áp dụng theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/06/2012 quy định về hoạt động cho vay, đi vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực thi hành từ ngày 01/09/2012 và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN ngày 07/01/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TT-NHNN.

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay các tổ chức tín dụng khác theo quy định về phân loại nhóm nợ và trích dự phòng rủi ro tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.14 . Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-NHNN.

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng (xem Thuyết minh 2.9).

2.15 . Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao dịch giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - Khoản mục “Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục “Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn hợp đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản đánh giá lại trong kỳ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.16 . Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó dựa trên số năm làm việc tính đến năm 2008 và mức lương bình quân trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng thực hiện chi trợ cấp thôi việc từ chi phí hoạt động trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Phân chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào khoản mục thặng dư vốn cổ

Trích lập các quỹ: Các quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế mỗi năm, số dư tối đa của quỹ không vượt quá vốn điều lệ hiện có của tổ chức tín dụng. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng sau khi có thông báo chia cổ tức của Ngân hàng và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được tiền.

Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 thì số lãi dự thu của khoản nợ này được thoả thu, ghi nhận ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được tiền.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được tiền.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ phí, hoa hồng dịch vụ và cổ tức

Các khoản thu nhập phí và hoa hồng được hạch toán theo phương pháp dự thu.

Cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư của Ngân hàng được xác định. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Ngân hàng hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.20 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản cho vay tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2.21 . Cán trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.22 . Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản phái sinh và các tài sản tài chính khác.

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu;
- Tài sản sẵn sàng để bán.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, giấy tờ có giá đã phát hành, các khoản nợ phải trả phải sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh;
- Các khoản công nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên có liên quan của Ngân hàng là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ của Ngân hàng;
- Công ty con của Ngân hàng;
- Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	575.016	494.478
Tiền mặt bằng ngoại tệ	63.930	73.929
	638.946	568.407

4 . Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	730.267	495.075
- <i>Bằng VND</i>	709.762	465.953
- <i>Bằng ngoại tệ</i>	20.505	29.122
	730.267	495.075

5 . Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

5.1 . Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	1.061.966	1.450.028
- <i>Bằng VND</i>	20.101	315.611
- <i>Bằng ngoại tệ</i>	1.041.865	1.134.417
Tiền gửi có kỳ hạn	10.716.413	10.612.747
- <i>Bằng VND</i>	9.750.000	10.600.000
- <i>Bằng ngoại tệ</i>	966.413	12.747
	11.778.379	12.062.775

5.2 . Cho vay các TCTD khác

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Bằng VND	600.996	457.780
- <i>Trong đó: chiết khấu, tài chiết khấu</i>	600.996	457.780
	600.996	457.780

Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác

12.379.375	12.520.555
-------------------	-------------------

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.317.409	11.070.527
	11.317.409	11.070.527

6 . Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Chứng khoán nợ</i>	7.700.000	3.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	7.700.000	3.000.000
<i>Chứng khoán vốn</i>	136.500	136.500
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	136.500	136.500
	7.836.500	3.136.500

Chi tiết tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	7.700.000	3.000.000
- Chưa niêm yết	7.700.000	3.000.000
Chứng khoán vốn	136.500	136.500
- Đã niêm yết	136.500	136.500
	7.836.500	3.136.500

7 . Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
	Tài sản Triệu VND	Công nợ Triệu VND
Tại ngày 31/12/2020	9.739	-
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	9.739	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	9.739	-
Tại ngày 31/12/2019	27.641	-
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	27.641	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	27.641	-

8 . Cho vay khách hàng

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	79.438.294	72.930.750
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	500	500
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ	1.629	2.062
	79.440.423	72.933.312

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	78.768.014	72.385.261
Nợ cần chú ý	44.409	48.025
Nợ dưới tiêu chuẩn	23.123	264.743
Nợ nghi ngờ	271.073	17.576
Nợ có khả năng mất vốn	333.804	217.707
	79.440.423	72.933.312

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	35.650.639	31.383.290
Nợ trung hạn	14.393.929	13.876.856
Nợ dài hạn	29.395.855	27.673.166
	79.440.423	72.933.312

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các TCKT	25.983.126	21.048.565
- Công ty TNHH	6.936.533	4.943.671
- Công ty Cổ phần	19.031.593	16.099.788
- Doanh nghiệp tư nhân	10.641	3.108
- Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	4.359	1.998
Cho vay cá nhân	53.457.297	51.884.747
	79.440.423	72.933.312

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	15.167.324	15.445.036
Khai khoáng	930.220	844.980
Công nghiệp chế biến, chế tạo	27.083.418	24.009.353
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	52.086	2.456
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	2.743.149	2.622.654
Xây dựng	5.634.051	6.783.157
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.250.881	4.764.033
Vận tải kho bãi	1.384.963	1.442.333
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	191.313	204.146
Thông tin và truyền thông	127.954	420.881
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	233.080	369.491
Hoạt động kinh doanh bất động sản	924.045	914.790
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	29.453	22.026
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	60.777	68.955
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	18.372	7.176
Giáo dục và đào tạo	1.637.081	1.741.508
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	455.113	564.852
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	302.082	249.178
Hoạt động dịch vụ khác	10.985.022	6.673.003
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	6.224.724	5.782.706
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	5.315	598
	79.440.423	72.933.312

9 . Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng cụ thể	(263.099)	(121.502)
Dự phòng chung	(558.684)	(533.243)
	(821.783)	(654.745)

Chi tiết tăng/giảm dự phòng rủi ro tín dụng:

	<u>Dự phòng chung</u> Triệu VND	<u>Dự phòng cụ thể</u> Triệu VND
Năm nay		
Số dư đầu năm	(533.243)	(121.502)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(30.962)	(144.942)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	5.521	14
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	3.331
Số dư cuối năm	(558.684)	(263.099)
Năm trước		
Số dư đầu năm	(471.284)	(122.395)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(62.542)	(2.489)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	583	1.257
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	2.125
Số dư cuối năm	(533.243)	(121.502)
10 . Chứng khoán đầu tư		
10.1 . Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
	<u>31/12/2020</u> Triệu VND	<u>31/12/2019</u> Triệu VND
Chứng khoán Nợ	13.232.445	14.636.506
- Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	8.254.249	8.266.224
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	4.978.196	6.370.282
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(13.875)	(7.125)
- Dự phòng chung	(13.875)	(7.125)
	13.218.570	14.629.381
10.2 . Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành		
	<u>31/12/2020</u> Triệu VND	<u>31/12/2019</u> Triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	-	473.078
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	-	(372.595)
	-	100.483
Tổng chứng khoán đầu tư	13.218.570	14.729.864
10.3 . Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng		
	<u>31/12/2020</u> Triệu VND	<u>31/12/2019</u> Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	4.978.196	6.370.282
	4.978.196	6.370.282

11 . Góp vốn, đầu tư dài hạn

	<u>31/12/2020</u>	<u>31/12/2019</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	195.660	270.660
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.000)	(2.000)
	<u>193.660</u>	<u>268.660</u>

Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2020:

Các khoản đầu tư	<u>31/12/2020</u>		<u>31/12/2019</u>	
	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá gốc	Tỷ lệ
	Triệu VND	năm giữ %	Triệu VND	năm giữ %
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	115.500	4,91	115.500	5,12
- Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	2.000	0,83	2.000	0,64
- Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam VF4	30.883	13,70	30.883	8,51
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VF1	1.932	1,60	1.932	0,82
- Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Giáo dục Quốc tế	-	0,00	7.000	2,81
- Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Tháng Năm	-	0,00	68.000	10,46
- Công ty Cổ phần Địa ốc MB	1.676	0,26	1.676	0,26
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	19.780	6,12	19.780	6,12
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	2.000	10,00	2.000	10,00
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	21.889	0,50	21.889	0,50
	<u>195.660</u>		<u>270.660</u>	

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2020:

	<u>31/12/2020</u>	<u>31/12/2019</u>
	Triệu VND	Triệu VND
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	(2.000)	(2.000)
	<u>(2.000)</u>	<u>(2.000)</u>

12 . Tài sản cố định hữu hình

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình trong năm:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	67.551	137.385	88.922	48.973	342.831
- Mua sắm trong năm	795	32.447	7.612	3.752	44.606
- Thanh lý, nhượng bán	(352)	(117)	(544)	(2.733)	(3.746)
Số dư cuối năm	67.994	169.715	95.990	49.992	383.691
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	31.466	94.218	43.790	40.920	210.394
- Khấu hao trong năm	2.667	13.489	7.759	2.851	26.766
- Thanh lý, nhượng bán	(136)	(70)	(544)	(2.427)	(3.177)
Số dư cuối năm	33.997	107.637	51.005	41.344	233.983
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	36.085	43.167	45.132	8.053	132.437
Tại ngày cuối năm	33.997	62.078	44.985	8.648	149.708

13 . Tài sản cố định vô hình

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình trong năm:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	528.988	87.340	616.328
- Mua sắm trong năm	35.931	7.485	43.416
Số dư cuối năm	564.919	94.825	659.744
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.374	71.371	77.745
- Khấu hao trong năm	813	4.880	5.693
Số dư cuối năm	7.187	76.251	83.438
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	522.614	15.969	538.583
Tại ngày cuối năm	557.732	18.574	576.306

14 . Bất động sản đầu tư

Tăng, giảm bất động sản đầu tư năm nay:

	Nhà và quyền sử dụng đất	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7.802	7.802
- Mua sắm trong năm	5	5
- Thanh lý, nhượng bán	(4.124)	(4.124)
Số dư cuối năm	3.683	3.683
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	7.802	7.802
Tại ngày cuối năm	3.683	3.683

15 . Tài sản Có khác

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu	215.793	156.153
Các khoản lãi, phí phải thu	2.579.789	2.987.795
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	833	1.785
Tài sản có khác	37.584	39.945
	2.833.999	3.185.678

15.1 . Các khoản phải thu

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	21.488	22.616
Thanh toán với Ngân sách Nhà nước	2.939	2.908
Các khoản phải thu nội bộ	138.328	95.464
Các khoản phải thu bên ngoài	53.038	35.165
	215.793	156.153

15.2 . Tài sản có khác

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ dụng cụ, vật liệu	17.530	19.649
Chi phí chờ phân bổ	20.054	20.296
	37.584	39.945

16 . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Vay Ngân hàng Nhà nước</i>	<i>147.537</i>	<i>196.047</i>
Vay theo hồ sơ tín dụng	147.537	196.047
	147.537	196.047

17 . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>13.231.030</i>	<i>13.067.379</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	13.231.030	13.067.379
- Bằng VND	11.831.604	12.302.604
- Bằng ngoại tệ	1.399.426	764.775
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>933</i>	<i>1.591.069</i>
Bằng VND	-	1.590.062
<i>Trong đó: Vay chiết khấu, tái chiết khấu</i>	<i>-</i>	<i>1.360.562</i>
Bằng ngoại tệ	933	1.007
	13.231.963	14.658.448

18 . Tiền gửi của khách hàng

Thuyết minh theo loại tiền gửi:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.409.379	1.352.820
- Bằng VND	1.400.599	1.330.442
- Bằng ngoại tệ	8.780	22.378
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	84.986.920	74.741.607
- Bằng VND	84.890.339	74.656.423
- Bằng ngoại tệ	96.581	85.184
Tiền gửi vốn chuyên dùng	699	3.481
Tiền gửi ký quỹ	45.225	65.363
- Bằng VND	45.211	65.349
- Bằng ngoại tệ	14	14
	86.442.223	76.163.271

19 . **Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**

	<u>31/12/2020</u>	<u>31/12/2019</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Bằng VND	3.120	5.587
	<u>3.120</u>	<u>5.587</u>

20 . **Phát hành giấy tờ có giá thông thường**

Tại ngày 31/12/2020

Kỳ hạn	<u>Mệnh giá</u>	<u>Chiết khấu</u>	<u>Phụ trội</u>	<u>Giá trị thuần</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Từ 12 tháng đến 05 năm	4.889.835	-	-	4.889.835
Từ 05 năm trở lên	1.000.000	-	-	1.000.000
	<u>5.889.835</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.889.835</u>

Tại ngày 31/12/2019

Kỳ hạn	<u>Mệnh giá</u>	<u>Chiết khấu</u>	<u>Phụ trội</u>	<u>Giá trị thuần</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Từ 12 tháng đến 05 năm	5.184.254	-	-	5.184.254
Từ 05 năm trở lên	950.000	-	-	950.000
	<u>6.134.254</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.134.254</u>

21 . **Các khoản phải trả và công nợ khác**

	<u>31/12/2020</u>	<u>31/12/2019</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	278.063	196.733
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	71.432	79.839
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.055	6.992
Các khoản phải trả bên ngoài	15.885	20.594
- Các khoản phải trả về XD/CB, mua sắm TSCĐ	914	1.034
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	189	213
- Chuyển tiền phải trả	-	15
- Giá trị giao dịch kỳ hạn tiền tệ	10.230	11.991
- Các khoản chờ thanh toán khác	4.552	7.341
	<u>378.435</u>	<u>304.158</u>

22. . Vốn chủ sở hữu

22.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Chi tiêu	Vốn góp/Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quý Đầu tư phát triển	Quý Dự phòng tài chính	Quý dự trừ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	6.500.000	7.398	564	337.471	148.474	821.078	7.814.985
Tăng trong năm	585.000	-	-	74.649	37.324	587.794	1.284.767
Tăng vốn trong năm (i)	585.000	-	-	-	-	-	585.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	587.794	587.794
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (i)	-	-	-	74.649	37.324	-	111.973
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(736.170)	(736.170)
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (i)	-	-	-	-	-	(151.170)	(151.170)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(585.000)	(585.000)
Số dư cuối năm	7.085.000	7.398	564	412.120	185.798	672.702	8.363.582

22. . Vốn chủ sở hữu

22.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

(i) Ngân hàng thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo nghị quyết Đại hội Cổ đông Ngân hàng TMCP Bắc Á ngày 20/06/2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2019		749.456
Trích các Quỹ	18,68	139.973
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4,98	37.324
- Quỹ dự phòng tài chính	9,96	74.649
- Quỹ phúc lợi	1,87	14.000
- Quỹ khen thưởng	1,87	14.000
Thù lao HĐQT và BKS	1,49	11.197
Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (9% vốn điều lệ) (ii)	78,06	585.000
Lợi nhuận để lại		13.286

(ii): Trong năm 2020, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 6.500 tỷ đồng lên 7.085 tỷ đồng theo Nghị Quyết số 02/NQ/HĐCD-BACABANK ngày 20/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành 58.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần qua hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019.

22.2 . Thu nhập trên một cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	587.794	749.456
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	587.794	749.456
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	587.794	749.456
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (i)	708.500.000	708.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	830	1.058

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số Nghị Quyết số 02/NQ/HĐCĐ-BACABANK ngày 20/06/2020, Ngân hàng quyết định trả cổ tức năm 2019 và phân phối lợi nhuận để lại lũy kế đến hết ngày 31/12/2019 bằng cổ phiếu số lượng là 58.500.000 cổ phần (trung ứng 9% vốn điều lệ). Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của sự kiện nêu trên đối với số liệu so sánh năm trước theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Ngân hàng chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm.

22.3 . Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	31/12/2020			31/12/2019		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn góp của cổ đông	7.085.000	7.085.000	-	6.500.000	6.500.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	7.398	7.398	-	7.398	7.398	-
	7.092.398	7.092.398	-	6.507.398	6.507.398	-

22.4 . Cổ phiếu

	31/12/2020	31/12/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	708.500.000	650.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	708.500.000	650.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>708.500.000</i>	<i>650.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	708.500.000	650.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>708.500.000</i>	<i>650.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

23 . Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	174.669	273.075
Thu nhập lãi cho vay	8.244.882	7.407.561
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	1.309.962	1.212.778
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	8.358	7.952
Thu khác từ hoạt động tín dụng	86.719	34.768
	9.824.590	8.936.134

24 . Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	7.184.190	6.670.185
Trả lãi tiền vay	219	513
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	522.476	263.890
Chi phí hoạt động tín dụng khác	86.634	34.991
	7.793.519	6.969.579

25 . Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
Thu phí dịch vụ	91.143	107.180
- Dịch vụ thanh toán	24.370	22.779
- Dịch vụ ngân quỹ	935	819
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	24.059	473
- Dịch vụ tư vấn	20.657	50.440
- Dịch vụ khác	21.122	32.669
Chi phí dịch vụ liên quan	(31.381)	(34.455)
- Dịch vụ thanh toán	(9.685)	(9.310)
- Dịch vụ ngân quỹ	(2.488)	(2.822)
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	(7.279)	(9.526)
- Dịch vụ tư vấn	(11.151)	(12.081)
- Dịch vụ khác	(778)	(716)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	59.762	72.725

26 . Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	98.861	88.127
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	98.861	88.127
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(75.079)	(57.472)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(75.079)	(57.472)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	23.782	30.655

27 . Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	73.946	59.066
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(20.461)	(25.967)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(6.750)	(7.125)
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	46.735	25.974

28 . Lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2020 Triệu VND	Năm 2019 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	81.388	88.879
- Tiền thu các khoản nợ đã xử lý	75.775	66.212
- Thu nhập khác	5.613	22.667
Chi phí liên quan đến hoạt động khác	(16.437)	(7.699)
- Chi phí liên quan đến nghiệp vụ mua bán nợ	(220)	(195)
- Chi phí khác	(16.217)	(7.504)
Lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	64.951	81.180

29 . Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2020 Triệu VND	Năm 2019 Triệu VND
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	3.227	15.297
- Từ chứng khoán Vốn kinh doanh	-	13.121
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	3.227	2.176
	3.227	15.297

30 . Chi phí hoạt động

	Năm 2020 Triệu VND	Năm 2019 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	5.179	4.901
Chi phí cho nhân viên	723.402	631.317
<i>Trong đó:</i>		
- Chi lương và phụ cấp	576.812	504.092
- Các khoản chi đóng góp theo lương	57.942	55.152
- Chi trợ cấp	2.400	2.531
- Chi khác cho nhân viên	86.248	69.542
Chi về tài sản	174.426	163.603
<i>Trong đó: Khấu hao tài sản cố định</i>	<i>32.459</i>	<i>31.777</i>
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	217.307	195.059
<i>Trong đó:</i>		
- Công tác phí	7.199	14.227
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	209	2.312
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	120.075	109.274
Chi phí dự phòng	-	(562)
	1.240.389	1.103.592

31 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

31.1 . Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2020 Triệu VND	Năm 2019 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	145.482	182.797
- Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Bắc Á	585	922
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	146.067	183.719

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
- Thuế TNDN phải nộp đầu năm	55.989	51.855
- Thuế TNDN đã nộp trong năm	(159.699)	(179.585)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	42.357	55.989

31.2 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	952	718
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	952	718

32 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	638.946	568.407
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	730.267	495.075
Tiền gửi tại các TCTD khác (<i>gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng</i>)	11.778.379	12.062.775
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	2.649.924	-
	15.797.516	13.126.257

33 . Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2020	Năm 2019
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên	2.512	2.195
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	576.812	504.092
2. Thu nhập khác	25.257	22.448
3. Tổng thu nhập (1+2)	602.069	526.540
4. Tiền lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	19,14	19,14
5. Thu nhập bình quân hàng tháng (triệu VND/người/tháng)	19,97	19,99

34 . Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1. Thuế GTGT	3.230	12.619	15.464	385
2. Thuế TNDN	55.989	146.067	159.699	42.357
3. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.620	84.279	76.209	28.690
	79.839	242.965	251.372	71.432

35 . Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/người nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/ người xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, nếu Ngân hàng có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoài bảng vào ngày cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	51.128	38.160
Bảo lãnh khác	368.733	385.862
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	103.805	116.413
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	53.623	44.018
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	33.407	49.502
- Cam kết bảo lãnh khác	177.898	175.929
Cam kết giao dịch hối đoái	19.792.211	20.342.469
- Cam kết mua ngoại tệ	551.655	1.663.950
- Cam kết bán ngoại tệ	443.953	3.063.897
- Cam kết giao dịch hoán đổi	18.796.603	15.614.622
Cam kết cho vay không hủy ngang	65.309	29.745
	20.277.381	20.796.236

36 . Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Ngân hàng thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 Triệu VND	Năm 2019 Triệu VND
Chi phí lãi trả cho tiền gửi của		
- Thành viên Hội đồng quản trị	118	114
- Thành viên Ban Tổng giám đốc	204	365
- Thành viên Ban Kiểm soát	2	29

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 02/2019/NQ/ĐHCD-BACABANK ngày 22 tháng 04 năm 2019 và Nghị quyết số 02/2020/NQ/ĐHCD-BACABANK ngày 20 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông. Thu nhập của Ban Điều hành được chi trả theo Quy chế lương của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Tại thời điểm cuối năm, số dư của Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi của khách hàng		
- Thành viên Hội đồng quản trị	6.591	41.167
- Thành viên Ban Tổng giám đốc	11.561	42.702
- Thành viên Ban Kiểm soát	221	201

37 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

38 . Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Khu vực	Cho vay khách hàng và cho vay TCTD khác	Tiền gửi và tiền vay từ khách hàng và các TCTD khác	Các cam kết tín dụng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	80.041.419	99.674.186	485.170	9.739	21.068.945
	80.041.419	99.674.186	485.170	9.739	21.068.945

39 . Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Mục tiêu của Ngân hàng là đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh, thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các tổ chức tín dụng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao nhằm giúp cơ cấu Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng cầm nang tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống quản lý vốn tập trung và Hệ thống thanh toán tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

39.1 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Ngân hàng. Ngân hàng có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Ngân hàng có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

39.2 . Rủi ro thị trường

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời gian còn lại tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản Có khác, trừ ủy thác đầu tư) được xếp loại khoản mục không chịu lãi.

- Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất,
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất,
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất,
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất,
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không chịu lãi. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31/12/2020 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng			
			Dưới 01 tháng		Từ 01 đến 03 tháng		Từ trên 06 đến 12 tháng		Từ trên 05 năm		
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN											
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	638.946	-	-	-	-	-	-	638.946		
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	730.267	-	-	-	-	-	730.267		
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	4.803.139	6.975.240	-	-	-	600.996	12.379.375		
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	136.500	-	100.000	7.600.000	-	-	7.836.500		
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	9.739	-	-	-	-	-	9.739		
VI Cho vay khách hàng (*)	672.410	-	6.417.115	2.139.038	12.477.724	13.944.352	14.393.929	29.395.855	79.440.423		
VII Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	8.683.867	4.548.578	13.232.445		
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	195.660		
IX Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	729.697		
X Tài sản có khác	-	2.833.999	-	-	-	-	-	-	2.833.999		
Tổng tài sản	672.410	4.398.302	12.096.760	9.114.278	12.477.724	14.044.352	30.677.796	34.545.429	118.027.051		

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31/12/2020 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng		
			Dưới 01 tháng		Từ 01 đến 03 tháng		Từ 06 tháng đến 12 tháng			Từ trên 06 năm	
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		Triệu VND	Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ											
I Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	7.002.963	6.229.000	-	-	11.110	136.427	13.379.500		
II Tiền gửi của khách hàng	-	57.744	4.787.841	1.202.453	10.387.297	12.115.010	24.997.187	32.894.691	86.442.223		
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	3.120	-	3.120		
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	4.889.835	1.000.000	5.889.835		
VI Các khoản nợ khác	-	3.111.133	-	-	-	-	-	-	3.111.133		
Tổng nợ phải trả	-	3.168.877	11.790.804	7.431.453	10.387.297	12.115.010	29.901.252	34.031.118	108.825.811		
Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội bảng	672.410	1.229.425	305.956	1.682.825	2.090.427	1.929.342	776.544	514.311	9.201.240		

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

b. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo bảng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31/12/2020 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại hối khác được quy đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN				
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.119	55.811	-	63.930
II. Tiền gửi tại NHNN	-	20.505	-	20.505
III. Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	4.158	1.987.618	16.502	2.008.278
VI. Cho vay khách hàng (*)	-	105.268	-	105.268
X. Tài sản có khác	-	2.651	115	2.766
Tổng tài sản	12.277	2.171.853	16.617	2.200.747
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I. Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	1.400.359	-	1.400.359
II. Tiền gửi của khách hàng	3.014	102.943	117	106.074
III. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	138.350	85.976	297.650	521.976
VI. Các khoản nợ khác	9	200	114	323
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	141.373	1.589.478	297.881	2.028.732
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(129.096)	582.375	(281.264)	172.015
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	(129.096)	582.375	(281.264)	172.015

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Tỷ giá quy đổi

EUR	27.670
USD	23.131
GBP	30.450
CHF	26.000
JPY	222
SGD	17.370
AUD	16.900

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền trong tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ đáo hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính toán dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến một (01) tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên một (01) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định và bất động sản đầu tư được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời đến hạn của các tài sản có và các khoản nợ khác được tính từ ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng.

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31/12/2020 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn		Trong hạn		Tổng
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 12 tháng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
TÀI SẢN					
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	638.946	-	638.946
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	730.267	-	730.267
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	9.778.379	-	12.379.375
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	1.036.500	-	7.836.500
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	9.739	-	9.739
VI Cho vay khách hàng (*)	268.964	403.446	8.912.660	15.726.885	79.440.423
VII Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	100.023	3.388.131	13.232.445
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	195.660
IX Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	729.697
X Tài sản có khác (*)	-	-	294.224	1.410.986	2.833.999
Tổng tài sản	268.964	403.446	21.500.738	23.556.002	118.027.051
			16.867.375	17.173.624	38.256.902

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31/12/2020 như sau:

Chi tiêu	Quá hạn		Trong hạn				Tổng Triệu VND	
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	Từ trên 05 năm		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		
NỢ PHẢI TRẢ								
I Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	10.731.963	2.500.000	561	111.182	35.794	13.379.500
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	9.516.294	10.906.687	22.856.319	27.581.227	15.581.696	86.442.223
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	3.120	-	3.120
V Phát hành giấy tờ có giá	-	9.173	262.741	203.662	104.265	4.809.994	500.000	5.889.835
VI Các khoản nợ khác	-	-	515.217	245.202	258.645	1.777.575	314.494	3.111.133
Tổng nợ phải trả	-	9.173	21.026.215	13.855.551	23.219.790	34.283.098	16.431.984	108.825.811
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	268.964	394.273	474.523	3.011.824	336.212	3.973.804	741.640	9.201.240

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ			Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần			Khác			Hoạt động chung không phân bổ			Tổng cộng		
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Triệu VND	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Triệu VND
I. Doanh thu	9.890.179	8.928.182		3.227	74.363		279.750	292.138		-	-		10.173.156	9.294.683	
1. Doanh thu lãi	9.816.232	8.928.182		-	-		8.358	7.952		-	-		9.824.590	8.936.134	
2. Doanh thu từ hoạt động đầu tư	73.947	-		3.227	74.363		-	-		-	-		77.174	74.363	
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	-	-		-	-		271.392	284.186		-	-		271.392	284.186	
II. Chi phí	7.820.730	6.969.579		-	25.967		122.897	99.626		1.240.390	1.103.592		9.184.017	8.198.764	
1. Chi phí lãi	7.793.519	6.969.579		-	-		-	-		-	-		7.793.519	6.969.579	
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-		-	-		-	-		32.459	31.777		32.459	31.777	
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	27.211	-		-	25.967		122.897	99.626		1.207.931	1.071.815		1.358.039	1.197.408	
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng	2.069.449	1.958.603		3.227	48.396		156.853	192.512		(1.240.390)	(1.103.592)		989.139	1.095.919	
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro	254.326	154.901		-	7.125		-	-		-	-		254.326	162.026	
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.815.123	1.803.702		3.227	41.271		156.853	192.512		(1.240.390)	(1.103.592)		734.813	933.893	

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ			Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần			Khác			Hoạt động chung không phân bổ			Tổng cộng		
	Năm nay/ Cuối năm		Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm		Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm		Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm		Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm		Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
III. Tài sản (*)	114.239.494	105.071.237	407.160	332.160	43.994	65.424	3.411.403	3.382.413	118.027.051	108.926.234					
1. Tiền mặt	-	-	-	-	-	-	638.946	568.407	638.946	568.407					
2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	-	-	730.267	495.075	730.267	495.075					
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	11.317.409	11.070.527	-	-	-	-	1.061.966	1.450.028	12.379.375	12.520.555					
4. Chứng khoán kinh	7.700.000	3.000.000	136.500	136.500	-	-	-	-	7.836.500	3.136.500					
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-	9.739	27.641	-	-	9.739	27.641					
6. Cho vay khách hàng (*)	79.440.423	72.933.312	-	-	-	-	-	-	79.440.423	72.933.312					
7. Chứng khoán đầu tư (*)	13.232.445	15.109.584	-	-	-	-	-	-	13.232.445	15.109.584					
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	195.660	270.660	-	-	-	-	195.660	270.660					
9. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	3.683	7.802	726.014	671.020	729.697	678.822					
10. Tài sản Có khác (*)	2.549.217	2.957.814	-	-	30.572	29.981	254.210	197.883	2.833.999	3.185.678					

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
IV. Nợ phải trả	108.447.376	99.770.626	-	-	-	-	378.435	304.158	108.825.811	100.074.784
1. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	147.537	196.047	-	-	-	-	-	-	147.537	196.047
2. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.231.963	14.658.448	-	-	-	-	-	-	13.231.963	14.658.448
3. Tiền gửi của khách hàng	86.442.223	76.163.271	-	-	-	-	-	-	86.442.223	76.163.271
5. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	3.120	5.587	-	-	-	-	-	-	3.120	5.587
6. Phát hành giấy tờ có giá	5.889.835	6.134.254	-	-	-	-	-	-	5.889.835	6.134.254
7. Các khoản nợ khác	2.732.698	2.613.019	-	-	-	-	378.435	304.158	3.111.133	2.917.177

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

40.2 . Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Thu nhập và chi phí phát sinh cho năm 2020 cũng như tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020 của Ngân hàng phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

41 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

Người lập biểu

Đoàn Thị Trang Liên

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Thái Hương

Trên đây là toàn văn Báo cáo Thường niên năm 2020 của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

TP.Vinh, ngày 10 tháng 04 năm 2021

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

TỔNG GIÁM ĐỐC



Thái Hương



Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 117, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-238) 3844 277 | **Fax:** (84-238) 384 1757

Tổng đài CSKH: 1800 588 828 | **Website:** www.baca-bank.vn